

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG

-----□□□□-----

TIỂU LUẬN:

**Tăng cường quản lý thuế thu
nhập doanh nghiệp đối với doanh
nghiệp nhà nước tại Cục thuế Hà
Nội**

LỜI MỞ ĐẦU

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII, VIII về công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH – HĐH) đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhà nước đã tiến hành cải cách thuế bước một (1990 – 1995), cải cách thuế bước hai (1996 – nay). Qua hai cuộc cải cách thuế, chúng ta đã hoàn thành được một hệ thống chính sách thuế bao quát được phần lớn các nguồn thu của đất nước và luôn được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện kịp thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước, đã trở thành công cụ của Đảng và nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế theo hướng khuyến khích đầu tư, khuyến khích xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất kinh doanh và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống quản lý thuế đã xây dựng và không ngừng được kiện toàn, đảm bảo thực thi tốt và thống nhất các luật thuế trong cả nước. Hiệu lực của bộ máy quản lý thuế ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên trước những yêu cầu mới của CNH – HĐH đất nước và hội nhập quốc tế, công tác thuế, phí của nước ta phải được huy động đầy đủ các nguồn thu vào ngân sách nhà nước, chẳng những đảm bảo nhu cầu chi tiêu thường xuyên của nhà nước mà còn giành được một phần lớn nguồn lực tài chính cho tích lũy phục vụ sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

Do chính sách khuyến khích phát triển các thành phần phát triển kinh tế của Đảng và nhà nước, hàng năm có thêm hàng chục vạn doanh nghiệp và hộ kinh doanh ra đời; đồng thời, quy mô của doanh nghiệp ngày một lớn, không còn bó hẹp trong một địa phương mà ngày càng quốc gia hoá, toàn cầu hoá; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng đa dạng phong phú. Việc quản trị kinh doanh và các hoạt động thương mại của doanh nghiệp ngày càng tiên tiến, điện tử hoá và tin học hóa. Vì vậy, nếu không hiện đại hoá công tác quản lý thuế thì không

theo kịp và đáp ứng được sự phát triển nhanh chóng và hiện đại hoá của doanh nghiệp.

Thăng thấn nhìn nhận, trình độ quản lý thuế ở nước ta hiện nay còn thấp, có khoảng cách khá xa so với các nước trong khu vực và càng xa hơn so với các nước tiên tiến trên thế giới cả về cơ chế quản lý, công nghệ quản lý, tổ chức bộ máy và trình độ cán bộ quản lý.

Nhận thức được ý nghĩa của công tác quản lý thuế cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, em chọn đề tài: “***Tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhà nước tại Cục thuế Hà Nội***” làm chuyên đề tốt nghiệp.

Chuyên đề gồm ba chương:

Chương I: Tổng quan về thuế và quản lý thuế

Chương II: Thực trạng quản lý thuế TNDN đối với DNNN tại Cục thuế Hà
Nội

Chương III: Giải pháp hoàn thiện quản lý thuế TNDN đối với DNNN tại Cục
thuế Hà Nội

Chương I

TỔNG QUAN VỀ THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ

1.1. Lý luận chung về thuế

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế

1.1.1.1. Khái niệm về thuế

Sự ra đời của thuế luôn gắn liền với sự ra đời của nhà nước. Trong tiến trình phát triển của lịch sử đã có nhiều quan niệm về thuế khác nhau.

Ban đầu, với mô hình nhà nước giản đơn thì thuế chỉ được hiểu đơn thuần là sự cung cấp dịch vụ trực tiếp của người bị trị cho người thống trị (theo Joseph E. Stiglitz). Cùng với sự lớn mạnh của nhà nước thì quan niệm về thuế cũng thay đổi: *“Thuế được cấu thành từ phần của chính phủ lấy trong sản phẩm đất đai và lao động trong nước và xét cho cùng thì thuế từ tư bản hay thu nhập từ người chịu thuế”* (David Ricardo).

Nhà nước ra đời, muốn tồn tại và phát triển thì cần nguồn thu quan trọng là thuế. Như vậy *“thuế là cơ sở kinh tế của bộ máy nhà nước, là thủ đoạn giản tiện để nhà nước thu tiền”* (C. Mac). Với quyền lực tối cao của nhà nước, *“thuế là cái mà nhà nước thu của dân mà không bù lại”* (V.I. Lênin).

Vậy khái niệm về thuế có thể hiểu là khoản đóng góp mang tính chất bắt buộc theo quy định của pháp luật nhằm hình thành ngân sách nhà nước. Thuế có thể thu bằng tiền, hiện vật, hoặc ngày công lao động, hay có thể nói: *“Thuế là khoản hình thành trong quá trình phân phối và phân phối lại sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân”*.

1.1.1.2. Đặc điểm của thuế

Theo từ điển tiếng việt: “*thuế là một khoản tiền hay hiện vật mà người dân hoặc các tổ chức kinh doanh, tùy theo tài sản, thu nhập, nghề nghiệp, ... buộc phải nộp cho nhà nước theo quy định của pháp luật*”. Với quan niệm đó, thuế có ba đặc trưng cơ bản:

* ***Thuế là một khoản đóng góp mang tính chất bắt buộc.*** Nó được thể hiện ở nghĩa vụ nộp thuế của đối tượng nộp thuế do luật pháp nhà nước quy định. Do vậy, thuế khác với các khoản đóng góp tự nguyện, các khoản hỗ trợ, viện trợ, hay các khoản vay.

* ***Thuế là một khoản thu của nhà nước, không được hoàn trả trực tiếp cho người nộp.*** Đặc điểm này thể hiện ở số tiền nộp thuế từ cá nhân, tổ chức kinh tế. Đó chính là sự chuyển giao quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức kinh tế sang nhà nước. Thứ nữa, mức thuế nộp không dựa trên phúc lợi xã hội mà từng cá nhân, tổ chức được hưởng. Nó căn cứ vào thu nhập của cá nhân và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với đặc điểm này, thuế khác với phí và lệ phí.

* ***Thuế có tính ổn định, tức số thuế phải nộp được giữ ổn định trong một thời gian.***

Từ ba đặc trưng trên, thuế trở thành một “chính sách”. Chính sách thuế được sử dụng để khuyến khích hay hạn chế việc sản xuất, nhập khẩu, tiêu dùng một loại hàng hoá nào đó. Thuế trở thành một công cụ điều tiết vô cùng nhanh, nhạy.

1.1.1.3. Vai trò của thuế

Có câu nói rằng: “*Trong đời có hai thứ mà bạn không thể tránh là chết và thuế. Có người còn cho rằng thuế còn tệ hơn là chết*”. Tại sao chúng ta phải đóng thuế? Để trả lời cho câu hỏi này chúng ta cần xem xét vai trò của thuế.

* ***Thứ nhất, thuế là nguồn thu chủ yếu và lâu dài của ngân sách nhà nước.*** Sự ra đời của khái niệm thuế gắn liền với sự ra đời của ngân sách nhà nước. Không có nguồn thu nào của ngân sách nhà nước thể đa dạng phong phú như thuế. Với hàng loạt các sắc thuế khác nhau đánh trên thu nhập của cá nhân, tổ chức kinh tế, hay kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hay khối tài sản, sẽ là nguồn thu lớn của ngân sách nhà nước. Bên cạnh nguồn thu từ thuế thì ngân sách nhà nước có thể huy động nguồn thu bằng nhiều cách khác nhau như: đi vay, bán tài nguyên hay tài sản quốc doanh, nhận viện trợ, in tiền,...Nhưng không có nguồn thu nào mang tính chất bền vững và cơ bản như thuế. Vì khi nhà nước đi vay rồi cũng phải tính phương án trả nợ; khi bán tài nguyên hay tài sản thì cũng đến ngày tài nguyên cạn kiệt; ngân sách nhà nước không thể chỉ trông chờ vào các khoản viện trợ; giải pháp in tiền để bù đắp thâm hụt ngân sách trong thời gian dài thì sẽ gây nguy cơ lạm phát cao và không khuyến khích tăng trưởng. Như vậy, thuế là nguồn thu vô cùng quan trọng của ngân sách nhà nước, là cơ sở tồn tại của nhà nước và ngân sách nhà nước.

* ***Thứ hai, thuế là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế.*** Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước mà ngân sách lại là nội dung chính của chính sách tài khóa, điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Xét về mặt tiêu dùng, thuế làm giảm thu nhập mà cá nhân có thể sử dụng mua sắm hàng hoá, dịch vụ. Song doanh thu từ thuế của chính phủ lại được dùng để cung cấp các loại hàng hoá, dịch vụ công mà thông thường thị trường không cung cấp được một cách hiệu quả. Như vậy, thuế đã phân bổ lại nguồn lực từ cách sử dụng tư nhân sang cách sử dụng công cộng.

Xét về mặt sản xuất, thuế có thể làm thay đổi quyết định đầu tư vào sản xuất của các hãng. Thông qua các loại thuế khác nhau, nhà nước có thể khuyến khích hay hạn chế sự phát triển của các ngành các lĩnh vực. Với mỗi một loại thuế khác nhau thì có mức điều tiết khác nhau. Ví dụ, thuế nhập khẩu đánh trên hàng hoá nhập khẩu

nhằm hạn chế nhập khẩu để bảo vệ hàng hóa trong nước. Bằng công cụ đánh thuế, chính phủ có thể thay đổi cơ chế khuyến khích đối với các hãng, nhờ đó điều chỉnh được cơ cấu kinh tế theo định hướng của mình.

* ***Thứ ba, thuế tham gia thiết lập sự công bằng xã hội.*** Tính công bằng trong thuế bao gồm:

- Công bằng theo chiều dọc: là sự đối xử có phân biệt giữa các tổ chức, cá nhân nhằm giảm bớt sự khác biệt sẵn có, tức là người có thu nhập cao sẽ nộp thuế nhiều hơn người có thu nhập thấp.

- Công bằng theo chiều ngang: là sự đối xử không phân biệt giữa các tổ chức, cá nhân, tức là ai cũng phải nộp thuế giống nhau.

Theo khái niệm trên, thuế tạo ra công bằng dọc thì hiển nhiên sẽ có công bằng ngang. Bất cứ một loại thuế nào cũng tạo ra sự công bằng nhưng tạo ra công bằng dọc thì tốt hơn.

Tính công bằng trong thuế được phản ánh thông qua hệ số Gini. Hệ số Gini trước khi có thuế lớn hơn hệ số Gini sau khi có thuế. Vậy thuế đã làm cho xã hội công bằng hơn.

* ***Thứ tư, thuế có chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh.*** Trong quá trình thu thuế, cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp vì Nhà nước muốn thu thuế thì nhà nước phải quản lý được đối tượng nộp thuế. Nội dung quản lý đối tượng nộp thuế bao gồm tên, địa chỉ, vốn, phản ứng của doanh nghiệp... Các doanh nghiệp thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau nên nhà nước quản lý doanh nghiệp cần kết hợp với việc phân nhóm quản lý đối tượng nộp thuế.

Bốn vai trò của thuế tồn tại khách quan, chúng ra đời cùng với hệ thống thuế. Hiệu quả của bốn vai trò này đạt được đến đâu là do hiệu quả của hệ thống thuế quyết định.

1.1.2. Mục tiêu và nội dung của quản lý thuế

1.1.2.1. Mục tiêu của quản lý thuế

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Khoảng 90% nguồn thu của ngân sách nhà nước là từ thuế. Khi nhà nước ban hành một loại thuế mới thì mục đích đầu tiên là đem lại bao nhiêu nguồn thu cho ngân sách. Tiền thuế được coi là tài sản quốc gia dùng để phục vụ lợi ích chung của toàn xã hội. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ, trách nhiệm tham gia quản lý thuế. Công tác quản lý thuế trong nền kinh tế quốc dân nhằm đạt được các mục tiêu sau:

**** Đảm bảo nguồn thu ổn định cho chính phủ***

Thuế là nguồn thu chủ yếu và lâu dài của ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, mỗi một quốc gia vẫn cần làm tốt công tác quản lý thuế để tập trung, huy động đầy đủ, kịp thời số thu cho ngân sách trên cơ sở không ngừng nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu.

Công tác quản lý thuế trong quá trình hội nhập thương mại là vấn đề nhận được nhiều chú ý. Một vấn đề được đặt ra, khi Việt Nam thực hiện các cam kết gia nhập như giảm thuế mạnh có làm giảm nguồn thu ngân sách nhà nước hay không? Xét nguồn thu nội địa, khi thuế suất một số mặt hàng giảm 0% hoặc 5% thì thu ngân sách nhà nước giảm từ thuế đi không nhiều. Mặt khác khi thuế suất giảm làm giá cả hàng hoá đó cũng giảm theo, do đó nó có tác dụng kích thích tiêu dùng. Nhờ vậy, nguồn thu vẫn được đảm bảo, thậm chí còn có thể tăng lên rất nhiều. Trong quá trình Việt Nam gia nhập WTO thì các cam kết gia nhập không bao gồm cắt giảm thuế mạnh mà chủ yếu cắt giảm các mức thuế cao và nhiều sắc thuế có thể tăng từ 0 đến 5%.

Bên cạnh vấn đề hội nhập thương mại, công tác quản lý thuế cũng cần quan tâm tới vấn đề thay đổi quy mô của doanh nghiệp để đảm bảo nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước. Hiện nay doanh thu từ thuế chủ yếu phụ thuộc vào các đối

tượng đóng thuế lớn. Trong khi đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang ngày càng gia tăng cả về số lượng lẫn chất lượng, còn số lượng các doanh nghiệp lớn ngày một thu hẹp. Xu hướng tất yếu là doanh thu từ thuế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng nhanh do các doanh nghiệp này rất linh hoạt và có khả năng thích ứng cao. Vì vậy, công tác quản lý thuế cần quan tâm nhiều hơn đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

**** Tăng hiệu suất nền kinh tế***

Như đã trình bày ở phần “1.1.1.3.Vai trò của thuế”, vai trò của thuế tồn tại khách quan. Nhưng muốn phát huy tốt nhất vai trò của thuế nhằm tăng hiệu suất nền kinh tế thì cần những công việc cụ thể của công tác quản lý thuế. Qua đó:

- Không lãng phí nguồn lực vào các sáng kiến đầu tư dư thừa không cần thiết.
- Không làm tổn hại việc chính thức hoá hoạt động kinh tế, tức chính sách kinh tế không làm méo mó giữa các ngành, các thành phần kinh tế,...như: bỏ chính sách thuế đang có hiệu quả, ưu đãi thuế tràn lan...
- Dùng thuế để buộc những bên gây ô nhiễm phải trả tiền.
- Ngăn chặn tình trạng tắc nghẽn cơ sở hạ tầng(từ đường đến điện)
- Cung cấp nguồn lực để phát triển cơ sở hạ tầng của địa phương.

**** Giải quyết các vấn đề xã hội và thể chế***

- Thuế có thể giúp làm giảm bất bình đẳng giữa các hộ gia đình, giữa các địa phương.
- Lợi nhuận từ vốn đầu tư vào đất đai sẽ trở thành một nguồn gây tham nhũng lớn. Vì vậy, cần điều tiết bằng thuế tài sản.
- Một số loại thuế mang tính chất lũy tiến, một số là lũy thoái.

Để đạt được các mục tiêu trên, công tác quản lý thuế cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Nộp thuế theo quy định của pháp luật là nghĩa vụ và quyền lợi của mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia quản lý thuế.
- Việc quản lý thuế được thực hiện theo quy định của luật quản lý thuế và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Việc quản lý thuế phải đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.

1.1.2.2. Nội dung quản lý thuế

Quản lý thuế là một bộ phận của quản lý thu ngân sách nhà nước. Do vậy quản lý thuế phải tuân thủ các nguyên tắc quản lý thu ngân sách nhà nước nói chung, cụ thể:

- Các khoản thu ngân sách nhà nước đều phải nộp trực tiếp vào kho bạc bằng tiền mặt, ngân phiếu thanh toán hoặc chuyển khoản.
- Các khoản thu ngân sách nhà nước đều phải được hạch toán bằng VNĐ theo đúng niên độ, đúng mục lục ngân sách, và theo đúng chế độ phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.
- Các khoản thu ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ (nếu có) phải tập trung về quỹ ngoại tệ do kho bạc nhà nước trung ương quản lý.
- Trong quá trình thu, nếu có những khoản thu không đúng chế độ quản lý hiện hành hoặc khoản thu vượt quá so với nghĩa vụ thì kho bạc nhà nước phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho các đối tượng một cách kịp thời.

Nội dung quản lý thuế bao gồm:

-Lựa chọn ban hành các luật thuế

-Tổ chức thực hiện các luật thuế

-Thanh tra, kiểm tra

**** Lựa chọn ban hành các luật thuế***

Hệ thống thuế bao gồm hệ thống văn bản pháp luật và hệ thống các cơ quan quản lý thuế. Để có thuế hiệu quả thì việc lựa chọn, ban hành các văn bản pháp luật về thuế và áp dụng những sắc thuế nào trong nền kinh tế là rất quan trọng. Công tác này phải được xây dựng dựa trên các căn cứ sau đây:

- Đặc điểm kinh tế của mỗi quốc gia trong mỗi thời kỳ. Ví dụ: cơ cấu kinh tế, chủ trương, chính sách về kinh tế, thu nhập bình quân đầu người,...
- Các vấn đề về văn hoá - xã hội như: phong tục tập quán, văn hoá tinh thần của cộng đồng dân cư, trình độ dân cư,...

Ngoài ra, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế thì mỗi một quốc gia cũng cần xem xét, đánh giá các vấn đề kinh tế của thế giới và khu vực khi xây dựng một hệ thống thuế. Từ đó đưa ra các hiệp định mang tính chất quốc tế cho có lợi nhất đối với quốc gia mình.

Một số điểm cần lưu ý trong quá trình ban hành các văn bản pháp luật về thuế là:

- Phải bao quát về đối tượng, bao gồm: đối tượng nộp thuế và đối tượng chịu thuế.
 - Phải được quy định đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và dễ kiểm tra.
 - Ít gây méo mó, ảnh hưởng giữa các ngành và các thành phần kinh tế.
- * *Tổ chức thực hiện các luật thuế:*
 - Tuyên truyền phổ biến các luật thuế:
Trên cơ sở hệ thống văn bản pháp luật về thuế do cơ quan nhà nước có thẩm

quyền ban hành, luật thuế được áp dụng trong thực tế. Nội dung này rất quan trọng, nó quyết định đến hiệu quả của công tác thu thuế. Đối với mỗi một sắc thuế ban hành hay có sửa đổi bổ sung, cơ quan quản lý thuế cần tổ chức các đợt tập huấn để tuyên truyền phổ biến đến mọi tầng lớp dân cư một cách đều đặn thường xuyên. Phương thức tuyên truyền có thể qua mọi phương tiện thông tin đại chúng như: phát hành ấn phẩm, tờ rơi, áp phích, mạng internet hoặc báo chí,...

- Tổ chức quản lý thu thuế:

Trước hết cơ quan thuế cần quản lý đối tượng nộp thuế thông qua mã số thuế. Cơ quan thuế yêu cầu doanh nghiệp đăng ký thuế, trên cơ sở đó cơ quan quản lý thuế tiến hành cấp mã số thuế cho doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số duy nhất và thống nhất trên cả nước. Tất cả các thông tin về doanh nghiệp trên tờ khai đăng ký thuế sẽ được lưu trữ vào máy tính với một file riêng biệt. Khi cần kiểm tra một đối tượng nộp thuế nào đó, chỉ cần mở file theo mã số thuế của đối tượng đó. Thông qua phương thức quản lý bằng mạng vi tính này, cơ quan thuế không những tiết kiệm được chi phí quản lý mà còn đảm bảo tính chính xác và dễ dàng phát hiện ra những gian lận.

Quy trình quản lý thu thuế theo phương pháp tự kê khai, tự tính, tự nộp. Theo kỳ hạn tính thuế, các đối tượng nộp thuế sẽ tự kê khai, tự tính, tự nộp vào kho bạc nhà nước. Với phương pháp này, nhiệm vụ của cơ quan thuế đơn giản đi rất nhiều. Song để phương pháp này thực hiện có hiệu quả đòi hỏi mọi cá nhân, tổ chức phải nắm vững luật thuế và tự giác chấp hành nghĩa vụ thuế của mình, cơ quan quản lý thuế phải thường xuyên tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra một cách có hiệu quả.

** Thanh tra, kiểm tra:*

Mục đích thanh tra, kiểm tra:

- Tăng cường hiệu quả công tác quản lý thuế, nâng cao năng lực của cơ quan thuế trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi gian lận, trốn thuế.
- Tôn trọng, phát huy tính tự giác chấp hành và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc thực hiện đúng quy định của nhà nước về kê khai, nộp thuế.
- Thực hiện cải cách và hiện đại hoá công tác thanh tra, kiểm tra, góp phần tăng cường công tác quản lý cán bộ trong nội bộ ngành thuế.

Hình thức thanh tra, kiểm tra:

- Thanh tra toàn bộ: là loại hình thanh tra tổng hợp, toàn diện tình hình tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp đó có nghĩa vụ thực hiện và ngành thuế có trách nhiệm quản lý.

- Thanh tra, kiểm tra hạn chế: là thanh tra, kiểm tra trong phạm vi hẹp như một sắc thuế, một kỳ tính thuế, một bộ hồ sơ hoàn thuế,...

Thanh tra, kiểm tra là một nội dung quan trọng của hoạt động quản lý thu thuế. Kiểm tra thường được tiến hành từ bước đầu tiên của quá trình thu thuế. Nó xuất hiện ở tất cả các khâu, từ khâu kiểm tra hồ sơ cấp đăng ký kinh doanh, mã số thuế của doanh nghiệp, khâu kiểm tra tờ khai thuế của doanh nghiệp tới khâu kiểm tra báo cáo quyết toán thuế. Thanh tra được tiến hành sau những bước kiểm tra cơ bản. Khi cơ quan quản lý thuế kiểm tra và phát hiện đối tượng nộp thuế có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng luật thuế thì công tác thanh tra sẽ được tiến hành. Ngoài ra, khi các doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản và quyết toán thuế nhà thầu theo quy định của luật thuế thì cơ quan quản lý thuế sẽ tiến hành thanh tra, kiểm tra quyết toán thuế.

1.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp và tổ chức quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.1.1. Khái niệm

**** Thuế thu nhập là loại thuế trực thu đánh vào thu nhập cao của các cá nhân, tổ chức kinh tế.***

Cùng với việc đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước thì loại thuế này có vai trò rất lớn trong việc tái phân phối và đảm bảo công bằng. Điều này đặc biệt cần thiết trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh vì thu nhập của một cá nhân hay tổ chức phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các yếu tố sản xuất. Sự phân hoá

giàu nghèo là không thể tránh khỏi. Trong hoàn cảnh đó, thuế thu nhập sẽ là một biện pháp tốt rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa các thành viên trong xã hội.

Thuế thu nhập còn được sử dụng như là một công cụ điều tiết các hoạt động kinh tế. Qua đó kích thích tiết kiệm và đầu tư theo hướng nâng cao năng lực hiệu quả xã hội. Trong những lý thuyết căn bản của Keynes là lý thuyết về tính hữu dụng giảm dần của thu nhập: “mức thu nhập càng cao thì tính hữu dụng của nó càng thấp”. Do vậy, để tăng phúc lợi xã hội cần thiết phải điều tiết bớt thu nhập của những đối tượng có thu nhập cao và phân phối lại cho những đối tượng có thu nhập thấp hơn.

Thuế thu nhập còn có vai trò trong việc giảm tính lũy thoái của thuế tiêu dùng. Đây cũng là một trong những lý do chính giải thích tại sao thuế thu nhập thường được thiết kế theo cách lũy tiến nhằm bảo đảm sự công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của công dân.

* ***Thuế thu nhập doanh nghiệp*** là một loại thuế trực thu đánh vào thu nhập của doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến thu nhập của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Là loại thuế trực thu, tức đối tượng nộp thuế và đối tượng chịu thuế đồng thời là một. Do vậy không có sự chuyển giao gánh nặng thuế từ người nộp thuế sang người chịu thuế.

- Cơ sở thuế của thuế thu nhập doanh nghiệp chính là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp, nhà nước có thể điều tiết hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo định hướng của mình.

1.2.1.2. Phạm vi áp dụng, nguyên tắc và phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp

* ***Phạm vi áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp***

Theo luật thuế TNDN hiện hành, đối tượng chịu thuế TNDN là thu nhập chịu thuế (tính theo năm dương lịch hoặc năm tài chính), bao gồm thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, kể cả thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ngoài và thu nhập chịu thuế khác. Còn đối tượng nộp thuế TNDN là các tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế TNDN.

Đối tượng không thuộc diện nộp thuế TNDN là các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức kinh tế tập thể khác có thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản; hộ gia đình, cá nhân nông dân sản xuất nông nghiệp có giá trị sản lượng hàng hoá từ 90 triệu đồng/ năm và thu nhập từ 36 triệu đồng/ năm trở xuống.

**** Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp***

Theo quy định tại Điều 6 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế và thuế suất:

Thu nhập chịu thuế được xác định trên các nguyên tắc cơ bản sau:

- Thu nhập chịu thuế là thu nhập bằng tiền, thu nhập bằng hiện vật phải được quy đổi thành tiền để tính thu nhập chịu thuế và những thu nhập nhận được từ các lợi ích công cộng không được tính vào thu nhập chịu thuế.

- Thu nhập chịu thuế là thu nhập thực tế, tức là thu nhập mà doanh nghiệp thực sự nhận được trong kỳ tính thuế, còn những thu nhập dưới dạng tiềm ẩn thì không được tính vào thu nhập chịu thuế. Ví dụ, những khoản trừ chiết khấu giảm giá cho khách hàng, trị giá hàng bị trả lại sẽ được khấu trừ không tính vào thu nhập chịu thuế; ngược lại, những khoản trợ giá, phụ thu mà doanh nghiệp được hưởng thì tính vào thu nhập chịu thuế.

- Thu nhập chịu thuế là thu nhập ròng, tức là thu nhập của doanh nghiệp sau khi trừ đi các khoản chi phí hợp lý và cần thiết để tạo ra thu nhập đó, cụ thể:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Doanh thu tính thuế} - \text{Chi phí hợp lý} + \text{Thu nhập khác}$$

Doanh thu tính thuế TNDN bao gồm toàn bộ tiền bán hàng, tiền cung ứng dịch vụ (*không bao gồm thuế giá trị gia tăng*) sau khi đã trừ đi chiết khấu, giảm giá hàng bán, trị giá hàng bị trả lại, tiền lãi trả chậm nhưng bao gồm cả các khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội, mà doanh nghiệp được hưởng.

Chi phí hợp lý để tính thu nhập chịu thuế là các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định có liên quan đến doanh thu, được phản ánh trong báo cáo kế toán của doanh nghiệp. Hiện tượng trốn thuế doanh nghiệp thường diễn ra ở phần kê khai chi phí, các doanh nghiệp thường cố tình khai tăng các khoản chi phí để giảm thu nhập chịu thuế. Vì vậy, cần quy định cụ thể các khoản chi phí hợp lý giảm thiểu hiện tượng gian lận thuế TNDN.

Theo luật thuế TNDN sửa đổi thì hiện chỉ áp dụng một mức thuế suất duy nhất là 28% đối với cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, và một số mức thuế suất ưu đãi 20%, 15%, 10% áp dụng cho một số trường hợp cụ thể.

* Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$\begin{array}{ccc} \text{Thuế TNDN phải nộp} & - & \text{Thu nhập chịu thuế} \\ & & \times \\ & & \text{Thuế suất TNDN} \end{array}$$

1.2.2. Tổ chức quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.2.1. Mục đích, đối tượng

* *Mục đích:*

- Nhằm thực hiện nghiêm chỉnh các luật thuế, pháp lệnh thuế, đảm bảo

nộp đúng, nộp đủ và nộp thuế kịp thời tiền thuế vào ngân sách nhà nước.

- Đề cao ý thức tự giác chấp hành chính sách, pháp luật về thuế và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện tốt nghĩa vụ về thuế, xoá bỏ những thủ tục không cần thiết gây phiền hà tốn kém cho doanh nghiệp.

- Cải tiến thủ tục quản lý thuế, phân công, phân nhiệm rõ ràng, chuẩn hoá dần công tác quản lý thuế nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý thuế, nâng cao chất lượng làm việc của đội ngũ cán bộ thuế.

** Đối tượng quản lý thuế:*

- Các doanh nghiệp thành lập theo luật doanh nghiệp nhà nước, luật doanh nghiệp, luật đầu tư nước ngoài và luật hợp tác xã.

- Các công ty nước ngoài và các tổ chức cá nhân nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trực tiếp kê khai nộp thuế.

- Các đơn vị sự nghiệp kinh tế, nhà khách, nhà nghỉ, và các tổ chức kinh tế khác của cơ quan nhà nước, Đảng, toàn thể, hội, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Trung ương, địa phương và hộ kinh doanh.

1.2.2.2. Quy trình quản lý thuế đối với doanh nghiệp

Quy trình quản lý thuế theo cơ chế tự khai, tự nộp. Tự kê khai, tự nộp thuế là cơ chế quản lý thuế trong đó người nộp thuế tự giác tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế: người nộp thuế căn cứ vào các quy định tại các Luật thuế để xác định nghĩa vụ thuế của mình, kê khai chính xác, nộp tờ khai thuế và nộp thuế đúng thời hạn. Cơ quan thuế không can thiệp vào việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế nếu người nộp thuế tự giác tuân thủ nghĩa vụ. Cơ quan thuế có trách nhiệm tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn để người nộp thuế hiểu rõ và tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế, đồng thời giám sát chặt chẽ việc tuân thủ nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và thông qua công tác kiểm tra, thanh tra để phát hiện, xử lý kịp thời, đúng đắn những hành vi gian lận, trốn thuế của người nộp thuế. Nội dung của quy trình như sau:

** Đăng ký thuế:*

Phòng tuyên truyền – hỗ trợ thuộc Cục thuế sẽ hướng dẫn doanh nghiệp lập hồ sơ đăng ký thuế. Cụ thể, phòng tuyên truyền – hỗ trợ cấp mẫu tờ khai đăng ký thuế cho doanh nghiệp, đồng thời hướng dẫn doanh nghiệp lập hồ sơ đăng ký cấp mã số thuế; hướng dẫn thủ tục kê khai thay đổi thông tin về doanh nghiệp; thủ tục kê khai đăng ký thuế đối với doanh nghiệp tổ chức, sắp xếp lại (*như chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, bán doanh nghiệp, ...*) theo quy định về đăng ký thuế hiện hành.

Bộ phận một cửa nhận hồ sơ đăng ký thuế, đóng dấu ngày nhận vào tờ khai đăng ký thuế và ghi sổ nhận hồ sơ thuế. Sau đó chuyển hồ sơ đăng ký thuế cho phòng kê khai – kế toán thuế ngay trong ngày. Phòng sẽ kiểm tra thủ tục hồ sơ đăng ký thuế theo đúng quy định về đăng ký cấp mã số thuế; kê khai đúng mẫu hồ sơ quy định; kê khai đầy đủ chỉ tiêu. Nếu hồ sơ đăng ký được chấp nhận thì phòng kê khai – kế toán thuế nhập và xử lý thông tin đăng ký thuế trên máy tính, truyền dữ liệu về trung tâm tin học – thống kê Tổng cục thuế để kiểm tra tính duy nhất và hợp lệ của mã số thuế. Cuối cùng, phòng kê khai – kế toán thuế in, trình ký giấy chứng nhận đăng ký thuế (nếu kết quả kiểm tra mã số thuế được chấp nhận), thông báo mã số thuế, phân cấp quản lý doanh nghiệp và trả kết quả đăng ký thuế cho doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp mới thành lập, trong quá trình xét hồ sơ đăng ký thuế để cấp mã số thuế, nếu doanh nghiệp có gửi kèm đơn xin mua hoá đơn thì Cục thuế phải thực hiện xác minh địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp để giải quyết cấp sổ mua hoá đơn cho doanh nghiệp.

** Xử lý tờ khai và chứng từ nộp thuế:*

Bộ phận một cửa nhận tờ khai thuế và các tài liệu kèm theo, đóng dấu ngày nhận vào tờ khai thuế, chuyển tờ khai thuế cho phòng kê khai – kế toán thuế. Sau đó, phòng kê khai – kế toán thuế sẽ kiểm tra tính đầy đủ của tờ khai thuế và các tài liệu kèm theo; kiểm tra kê khai đúng mẫu tờ khai quy định, kê khai đầy đủ chỉ tiêu và có xác nhận của doanh nghiệp.

Nhập các thông tin trên tờ khai thuế vào chương trình quản lý thuế trên máy tính. Chương trình này sẽ trợ giúp kiểm tra phát hiện các lỗi kê khai sai, tính toán sai và lập danh sách các tờ khai lỗi; đồng thời chương trình cũng xác định số thuế phải nộp của từng doanh nghiệp theo số thuế kê khai trên tờ khai thuế của doanh nghiệp.

Nếu phát hiện tờ khai thuế bị lỗi thì phòng kê khai – kế toán thuế in thông báo đề nghị điều chỉnh tờ khai thuế, chuyển cho phòng Hành chính gửi cho doanh nghiệp để lập lại tờ khai. Còn đối với các trường hợp không nộp tờ khai thuế thì phòng kê khai kế toán thuế lập danh sách ấn định thuế đối với doanh nghiệp rồi ký chuyển cho phòng kê khai – kế toán thuế để nhập vào máy tính.

** Quản lý thu nợ thuế:*

Phòng quản lý nợ và cưỡng chế thuế thường xuyên nắm tình hình nợ thuế của từng doanh nghiệp do phòng phụ trách để kịp thời nhắc nhở doanh nghiệp nộp số thuế còn nợ.

Căn cứ kế hoạch được lập, phòng quản lý doanh nghiệp thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ theo quy định, đồng thời công khai danh sách doanh nghiệp có tình chây ỳ nợ thuế; lập hồ sơ các trường hợp nợ lớn kéo dài hoặc có tình tiết vi phạm nặng chuyển cho phòng Thanh tra thuế để thực hiện các biện pháp cưỡng chế về thuế theo quy định.

Phòng Thanh tra theo dõi kết quả xử lý của các cơ quan pháp luật đối với các hồ sơ đã gửi. Định kỳ hàng tháng tập hợp số hồ sơ đã gửi và kết quả xử lý, số hồ sơ tồn đọng để báo cáo Cục thuế và Tổng cục thuế.

** Miễn, giảm, tạm giảm thuế:*

Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế, đóng dấu ngày nhận hồ sơ và chuyển cho phòng kê khai - kế toán thuế. Sau đó, phòng kê khai – kế toán thuế thực hiện thủ tục hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo các nội dung như sau: tên, mã số thuế; thuộc đối tượng miễn, giảm thuế; đầy đủ tài liệu theo quy định

và kê khai đầy đủ các chỉ tiêu. Phòng căn cứ vào hồ sơ miễn, giảm thuế đúng thủ tục quy định, thực hiện phân tích, đối chiếu với số liệu nộp thuế của doanh nghiệp và các chế độ về miễn, giảm thuế để xác định số thuế được miễn được giảm cho doanh nghiệp. Tiếp đó, phòng trình lãnh đạo Cục, chỉ Cục duyệt kiểm tra tại doanh nghiệp để xác minh tình trạng và xác định số thuế được miễn, được giảm theo chế độ rồi lập hồ sơ xét miễn, giảm thuế cho doanh nghiệp.

Phòng Tổng hợp - Dự báo nhận hồ sơ trình xét miễn, giảm thuế do chỉ Cục thuế gửi lên, thực hiện thẩm định hồ sơ miễn, giảm thuế. Tổng cục thuế kiểm tra thủ tục xét duyệt miễn, giảm thuế và trình cấp có thẩm quyền quyết định miễn, giảm thuế theo quy định.

** Quyết toán thuế:*

Bộ phận một cửa nhận báo cáo quyết toán thuế, các tài liệu kèm theo của doanh nghiệp và gửi cho phòng kê khai – kế toán thuế .

Phòng kê khai – kế toán thuế thực hiện kiểm tra thủ tục hồ sơ quyết toán thuế, nhập và ghi toàn bộ thông tin trên báo cáo quyết toán thuế vào chương trình quản lý thuế trên máy tính để phát hiện lỗi tính toán sai và hạch toán số thuế còn phải nộp hoặc nộp thừa. Sau đó, phòng chuyển toàn bộ qua phòng kê khai – kế toán thuế.

Phòng kê khai – kế toán thuế tiến hành đối chiếu, phân tích số liệu trên báo cáo quyết toán thuế với số liệu trên Sổ theo dõi thu nộp thuế và các tài liệu quản lý thuế doanh nghiệp tại cơ quan thuế. Nếu có nhưng sai sót vi phạm, phòng đề nghị doanh nghiệp điều chỉnh báo cáo quyết toán thuế hoặc kiểm tra quyết toán thuế trực tiếp tại doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra quyết toán thuế được chuyển ngay cho phòng tin học để nhập vào máy tính điều chỉnh số thuế của doanh nghiệp.

Phòng kê khai – kế toán thuế thường xuyên đơn đốc doanh nghiệp nộp quyết toán thuế hoặc thực hiện thủ tục phạt vi phạm hành chính về hành vi chậm nộp, không nộp báo cáo quyết toán thuế.

Quy trình quản lý thuế theo cơ chế tự khai, tự nộp đã bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thu thuế. Tin học đã len lỏi vào tất cả các khâu của quy trình như: đăng ký cấp mã số thuế, xử lý tờ khai, chứng từ nộp thuế, tính thuế, theo dõi nợ... Các bước của quy trình rõ ràng, cụ thể.

1.3. Quản lý thuế TNDN đối với DNNN:

Qua hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, quản lý nhà nước đối với DNNN đã có những bước chuyển cơ bản, góp phần thúc đẩy cải cách DNNN ở Việt Nam theo yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế: Việc ban hành Luật doanh nghiệp 2005 là bước quan trọng hình thành môi trường pháp luật thống nhất, bình đẳng và thuận lợi cho mọi loại hình doanh nghiệp kinh doanh và cạnh tranh hội nhập theo những nguyên tắc của kinh tế thị trường; DNNN đã được tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh, trong phân phối tiền lương và lợi nhuận, đã cải tiến một bước về cơ chế quản lý vốn của nhà nước tại các doanh nghiệp và đã xác định rõ hơn trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và đại diện phần vốn của nhà nước.

Tuy nhiên, việc quản lý nhà nước nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng đối với DNNN còn nhiều vấn đề bất cập, như: chưa tách được chức năng quản lý nhà nước và chức năng chủ sở hữu, làm cho quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước không rõ ràng, dẫn đến hạn chế quyền chủ động sản xuất kinh doanh của DNNN; nội dung về quản lý nhà nước đối với DNNN chưa hài hòa với quản lý nhà nước các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác như trong đăng ký kinh doanh, trong tổ chức lại doanh nghiệp, chính sách tiền lương và quan hệ lao động; nhà nước vẫn áp dụng chế độ khoanh nợ, giãn nợ, xóa nợ cho DNNN,

nhất là trong quá trình sắp xếp doanh nghiệp, chưa kiên quyết giải thể, phá sản những DNNN thua lỗ kéo dài; chưa tổ chức tốt việc kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN và cũng chưa xử lý nghiêm đối với những vi phạm cơ chế chính sách đã ban hành.

Do vậy, để tăng cường quản lý nhà nước noi chung và quản lý thuế TNDN nói riêng đối với DNNN cần xác định vai trò, phạm vi của DNNN.

- *Vai trò của doanh nghiệp nhà nước:*

Thứ nhất, ***DNNN nắm vai trò về kinh tế***. Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, giai đoạn đầu tất yếu sẽ có một nền kinh tế hỗn hợp, vừa có sự tham gia của thị trường với sở hữu tư nhân và vai trò to lớn của khu vực tư nhân, vừa có sự tham gia của nhà nước, trong đó nhà nước tác động vào nền kinh tế theo hai hướng: điều tiết bằng công cụ, chính sách vĩ mô chung (*chính sách thuế, chính sách tiền tệ*) và tác động trực tiếp thông qua hệ thống DNNN và các tổ chức khác thuộc sở hữu nhà nước tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể: DNNN giúp khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường và khu vực kinh tế tư nhân, vai trò này thể hiện thông qua việc DNNN đảm nhận cung ứng các hàng hóa công cộng và giữ vai trò độc quyền tự nhiên trong một số ngành kinh tế; DNNN đảm nhận các lĩnh vực sản xuất kinh doanh có tính chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi vốn đầu tư lớn, vượt quá khả năng của tư nhân; DNNN tham gia vào những lĩnh vực có hệ số rủi ro cao, có tác dụng dẫn dắt mở đường cho nền kinh tế; DNNN tham gia vào một số ngành có lợi thế cạnh tranh, có khả năng tăng thu ngân sách lớn.

Thứ hai, ***DNNN giữ vai trò chính trị, xã hội*** thể hiện trên các lĩnh vực: nắm giữ những ngành đặc biệt quan trọng liên quan đến an ninh, quốc phòng của quốc gia; giữ một số vị trí thiết yếu quan trọng tùy theo từng thời kỳ phát triển của đất nước; đảm nhận nhiều ngành, lĩnh vực ở những địa bàn khó khăn có ý nghĩa chính

trị, quốc phòng và kinh tế - xã hội mà tư nhân không đầu tư, thực hiện đảm bảo công bằng về phát triển theo vùng, địa bàn. Sự tham gia của DNNN sẽ đem lại tác dụng tốt và tạo ra niềm tin cho khu vực tư nhân và toàn xã hội.

- *Phạm vi của doanh nghiệp nhà nước:*

Việc xác định lại phạm vi DNNN phù hợp với điều kiện Việt Nam là một trong những cơ sở để hoạch định chính sách (*trong đó có chính sách thuế*) nhằm huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Theo luật định, DNNN bao gồm các doanh nghiệp trong đó nhà nước sở hữu 100% vốn và các doanh nghiệp nắm phần vốn hoặc cổ phần chi phối (*trên 50%*). Nhóm DNNN thứ hai có thể dẫn đến những bất hợp lý trong tư duy và hành xử: sự lạm quyền của người nắm cổ phần chi phối, coi nhẹ quyền của các chủ thể khác cùng góp vốn, trái với tính chất của doanh nghiệp đa sở hữu hoạt động theo nguyên tắc đối vốn. Do đó, làm hạn chế khả năng động viên các chủ thể kinh tế khác cùng góp vốn vào doanh nghiệp.

Trong điều kiện hiện nay, chỉ nên coi doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn là DNNN. Theo quan niệm này, phạm vi DNNN sẽ thu hẹp đáng kể và mang nhiều ý nghĩa quan trọng: không làm ảnh hưởng đến vai trò của DNNN; tạo thuận lợi cho nhà nước hành xử với doanh nghiệp của mình và tạo thuận lợi mở rộng quan hệ liên kết giữa nhà nước với các chủ thể kinh tế khác.

Chương II:

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ TNDN ĐỐI VỚI DNNN TẠI CỤC THUẾ HÀ NỘI

2.1. Đặc điểm và tình hình tổ chức quản lý thuế trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.1.1. Tổ chức bộ máy thu thuế của Cục thuế Hà Nội

Cục Thuế thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 314 TC/QĐ ngày 21/08/1990 của Bộ Tài chính, là cơ quan trực thuộc Tổng cục Thuế đặt tại thành phố Hà Nội, đồng thời chịu sự lãnh đạo, song trùng quản lý hành chính của UBND thành phố Hà Nội.

Cục Thuế thành phố Hà Nội có con dấu và tài khoản riêng theo qui định của Nhà nước

Theo Quyết định 49/2007/QĐ-BTC cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý thuế của Cục thuế TP.Hà Nội bao gồm 13 phòng và chi Cục thuế quận trực thuộc Cục thuế, cụ thể như sau:

- **Phòng Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế:** Thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thuế, thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho tổ chức và cá nhân nộp thuế do Cục thuế quản lý.

- **Phòng kê khai và kế toán thuế:** thực hiện công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế trong phạm vi Cục thuế quản lý.

- **Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ:** thực hiện công tác quản lý nợ thuế, đôn đốc thu tiền thuế nợ và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt trong phạm vi quản lý.

- **Phòng Kiểm tra thuế:** Cục thuế có 4 phòng kiểm tra thuế giúp Cục trưởng Cục thuế kiểm tra, giám sát kê khai thuế; chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của cục thuế.

- **Phòng Thanh tra thuế:** thực hiện công tác thanh tra người nộp thuế trong việc chấp hành pháp luật thuế; giải quyết tố cáo về hành vi trốn lậu thuế, gian lận thuế liên quan đến người nộp thuế thuộc phạm vi Cục quản lý. Cục thuế Hà Nội có ba phòng thanh tra, trong đó, có một phòng thanh tra thuế đối với doanh nghiệp có quy mô lớn, hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, có phạm vi kinh doanh liên quan đến nhiều địa bàn tỉnh, thành phố; một phòng thanh tra thuế đối với người nộp thuế do chi cục thuế quản lý và một phòng thanh tra thuế đối với các doanh nghiệp còn lại thuộc Cục thuế quản lý.

- **Phòng Quản lý thuế thu nhập cá nhân:** thực hiện triển khai quản lý thuế thu nhập cá nhân đối với các cá nhân có thu nhập thuộc diện phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Cục.

- **Phòng Tổng hợp – Nghiệp vụ - Dự toán:** hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ quản lý thuế, chính sách, pháp luật thuế; xây dựng và thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước thuộc phạm vi Cục thuế quản lý.

- **Phòng Kiểm tra nội bộ:** giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của cơ

quan thuế, công chức thuế; giải quyết khiếu nại *(bao gồm cả khiếu nại các quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế và khiếu nại có liên quan trong nội bộ ngành thuế, công chức thuế)*, tố cáo liên quan đến việc chấp hành công vụ và bảo vệ sự liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế trong phạm vi quản lý của Cục thuế.

- **Phòng Tin học:** tổ chức quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học ngành thuế; triển khai các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý thuế và hỗ trợ hướng dẫn, đào tạo cán bộ thuế trong việc sử dụng ứng dụng tin học trong công tác quản lý.

- **Phòng tổ chức cán bộ:** tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện về công tác tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, biên chế, tiền lương, đào tạo cán bộ và thực hiện công tác thi đua khen thưởng trong nội bộ ngành thuế.

- **Phòng Hành chính – Quản trị - Tài vụ - Ấn chỉ:** tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; công tác quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản trị, quản lý ấn chỉ trong toàn Cục thuế.

- **Phòng Hành chính – Lưu trữ:** thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, chương trình, kế hoạch công tác của Cục thuế trong phạm vi toàn Cục thuế.

Con người luôn là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại trong mọi lĩnh vực quản lý. Trong bộ máy quản lý thuế, đội ngũ cán bộ, công chức thuế là bộ phận quan trọng, góp phần vào việc xây dựng hệ thống chính sách thuế phù hợp, khoa học, minh bạch và quyết định áp dụng các phương pháp, quy trình và các biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế thích hợp, khoa học bảo đảm tiên tiến, hiện đại, đạt hiệu quả kinh tế cao.

Bộ máy quản lý thuế có vai trò quyết định đến toàn bộ hệ thống thuế. Bộ máy quản lý thuế được tổ chức hợp lý, thực hiện đầy đủ các chức năng quản lý thuế thì sẽ phát huy được tối đa hiệu lực của toàn bộ hệ thống thuế và hiệu quả quản lý thuế sẽ cao. Ngược lại, một cơ cấu tổ chức quản lý thuế không phù hợp sẽ kìm hãm, làm suy yếu tổ chức và hạn chế tác dụng của bộ máy.

Tổ chức bộ máy quản lý thuế theo chức năng là mô hình đang được triển khai áp dụng rộng rãi ở nước ta, trong đó có thành phố Hà Nội. Sau một thời gian áp dụng mô hình thể hiện nhiều ưu điểm như: hạn chế sự chồng chéo chức năng quản lý thuế giữa các bộ phận; tạo điều kiện nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn hoá quản lý thuế, tập trung đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ, công chức; nâng cao hiệu quả của việc kiểm soát nội bộ; áp dụng các công nghệ quản lý thuế tiên tiến, hiện đại, tin học hoá công tác quản lý thuế; xoá bỏ chế độ chuyên quản trong quản lý thuế, từ đó hạn chế các hành vi tiêu cực trong quản lý.

2.1.2. Kết quả thực hiện thu thuế trên địa bàn Hà Nội

Do Hà Nội là trung tâm kinh tế của cả nước nên trong các năm qua Cục thuế Hà Nội luôn là một trong những đơn vị có kết quả thu thuế lớn nhất cho ngân sách nhà nước. Đặc biệt, trong 5 năm gần đây Cục thuế luôn hoàn thành vượt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước và tốc độ thu năm sau luôn cao hơn so với năm trước. Tốc độ tăng thu trung bình là 120,6%. Số thu ngân sách của thành phố Hà Nội năm 2007 tăng gấp hơn hai lần so với năm 2003. Cụ thể:

Bảng 1: Kết quả thu thuế trong giai đoạn 2003 – 2007

Đơn vị: triệu đồng

Năm	Tổng thu	Tốc độ tăng thu	Thuế TNDN	T TNDN/Tổng thu
2003	18.184.495	113%	7.342.134	40%
2004	22.361.567	123%	9.244.851	41%
2005	26.741.945	120%	9.605.059	36%
2006	34.151.130	128%	13.483.393	39%
2007	40.542.380	119%	11.937.358	29%

(Nguồn Cục thuế Hà Nội)

Có được những kết quả như vậy là do sự tăng trưởng cao và khá ổn định của nền kinh tế trong giai đoạn 2003 – 2007, thương mại tăng 15%, du lịch tăng 13%. Đặc biệt Năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO có nhiều thuận lợi nhưng cũng có nhiều thách thức, các doanh nghiệp phải tiến hành điều chỉnh để thích nghi với môi trường hội nhập, nền kinh tế nói chung tăng xấp xỉ 20% trong đó: Sản xuất công nghiệp tăng 22%; Du lịch tăng trên 36%; Dịch vụ thương mại tăng 15%; Xuất khẩu tăng 21%. Mặt khác, trong giai đoạn này luật quản lý thuế có hiệu lực đã góp phần nâng cao trách nhiệm của các cấp ngành,

các tổ chức kinh tế và cả các công dân đã nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về thuế đã tạo sự tăng trưởng nguồn thu ngân sách. Ngoài ra, sự quan tâm đôn đốc của lãnh đạo toàn cục và sự nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch của toàn thể cán bộ công chức Cục thuế Hà Nội đã góp phần tăng thu từ thuế.

Các khoản thu thường xuyên của Cục thuế Hà Nội bao gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất, thuế nhà đất, phí và lệ phí, phí xăng dầu,...Số thu từng sắc thuế như sau:

Bảng 2: Chi tiết các khoản thu của từng sắc thuế

Đơn vị : Triệu đồng

Loại thuế	Năm 2005			Năm 2006			Năm 2007		
	KH	Thực tế	%KH H	KH	Thực tế	%KH	KH	Thực tế	%KH
VAT	425680 0	406515 3	95%	557377 0	477595 0	86%	6439500	679630 2	106%
TNDN	1082800 0	960505 9	89%	129331 20	1348339 3	104%	1696480 0	119373 58	70%
TNCN	700000	743923	106 %	998360	966783	97%	1170000	137368 8	117%
TTĐB	132450 0	142041 1	107 %	184609 0	129076 4	70%	1690700	197309 9	117%
Môn bài	58950	70712	120 %	73230	80312	110%	77080	94222	122%
T.sd đất	200000 0	222867 2	111%	288300 0	214187 8	74%	2200000	312875 6	142%
T.nhà đất	37000	46309	125 %	46010	48132	105%	48000	54739	114%
Fí, lệ fí	219000 0	181094 9	83%	195136 0	178847 0	92%	1800000	250090 8	139%
Fí XD	350000	460132	131 %	489720	457934	94%	511000	611016	120%
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...

(Nguồn Cục thuế Hà Nội)

Theo bảng số liệu ta thấy, thuế thu nhập doanh nghiệp chiếm một tỷ trọng không nhỏ trong tổng thu của Cục thuế quản lý, xấp xỉ 37% trên tổng số thu (bảng

1). Do vậy, đây là nguồn thu quan trọng và ảnh hưởng rất lớn tới biến động của nguồn thu ngân sách. Bên cạnh thuế thu nhập doanh nghiệp thì thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môn bài, thuế thu nhập cá

nhân, thuế sử dụng đất, thuế nhà đất, phí và lệ phí, phí xăng dầu,...cũng đóng góp một nguồn thu đáng kể cho Cục thuế Hà Nội. Các sắc thuế cơ bản như GTGT, TTDB, Phí xăng dầu, phí lệ phí đều hoàn thành vượt mức kế hoạch (bảng 2).

Ngoài ra, trong năm 2007, ngành thuế đã triển khai mạnh mẽ và hoàn thành toàn diện các chương trình cải cách, hiện đại hoá hệ thống thuế theo kế hoạch đã đề ra. Trong đó, việc tổ chức triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế, áp dụng trong toàn ngành cơ chế quản lý thuế mới - cơ chế người nộp thuế tự khai, tự nộp thuế, chuyển đổi cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình chức năng và cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế “*một cửa*” thống nhất trong toàn hệ thống thuế là những dấu ấn quan trọng nhất trong công tác cải cách và hiện đại hoá ngành thuế trong năm 2007. Theo đó Cục Thuế Hà Nội triển khai phần mềm ứng dụng hỗ trợ kê khai thuế. Ngày 3/4/2007, Cục Thuế Hà Nội đã tổ chức hội nghị tập huấn triển khai phần mềm ứng dụng hỗ trợ kê khai thuế cho gần 7.500 doanh nghiệp trên địa bàn. Đây là phần mềm được tổng cục Thuế xây dựng để cấp miễn phí cho doanh nghiệp.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều. Mục đích của hội nghị này nhằm thống nhất về mẫu tờ khai và hướng dẫn kê khai cho các doanh nghiệp và các nguyên tắc về xử lý số liệu, trách nhiệm lẫn, tạo tiền đề về thuế điện tử sau này. Mặt khác, việc ứng dụng phần mềm này sẽ góp phần giảm thời gian kê khai thuế của doanh nghiệp, giúp cơ quan Thuế kiểm tra việc chấp hành thuế của doanh nghiệp được tốt hơn. (Theo Báo Hải Quan)

2.2. Thực trạng quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhà nước của Cục thuế Hà Nội

2.2.1. Thực trạng hoạt động của DNNN trên địa bàn Hà Nội:

Là thủ đô của cả nước, Hà Nội có vai trò đầu não về chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về giao lưu văn hóa, khoa học, giáo dục và có rất nhiều tiềm năng, cơ hội thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong nước và nước ngoài để

chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức mạnh cạnh tranh, tác động tích cực đến sự phát triển của toàn vùng và trong cả nước.

Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn Hà Nội đang tăng với tốc độ khá cao so với cùng kỳ các năm trước (23,1%), trong đó cao nhất là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (tăng 35,2%), kinh tế ngoài nhà nước (tăng 32,4%) và khu vực kinh tế nhà nước chỉ tăng 5,9% (trong đó khu vực nhà nước trung ương tăng 4,9%, kinh tế nhà nước địa phương tăng 8,9%). Mặc dù các DNNN trung ương và địa phương đã chú trọng đầu tư theo chiều sâu hàng chục tỷ đồng, đạt được sự tăng trưởng ở 14/17 ngành nhưng tốc độ tăng không cao so với khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế ngoài nhà nước. Điển hình có một số ngành tăng như: chế tạo thiết bị máy móc (tăng 36,8%), sản phẩm cao su (tăng 34,8%), đồ da (tăng 18,5%), thiết bị điện (tăng 16,7%); Trong khi đó, ba ngành giảm với mức độ cao là sản xuất khoáng phi kim loại (giảm 78,2%), kim loại (giảm 34,3%), trang phục (giảm 8,0%); Đồng thời nhiều công ty lớn trong ngành chủ lực của Thành phố như cơ khí và ngành dệt đang gặp khó khăn (ví dụ: công ty dệt kim Thăng Long, công ty dệt kim Hà Nội, công ty nhuộm Tô Châu, công ty Phương Nam và công ty cơ khí Mai Động,...).

Sự tăng trưởng thấp nhất, cả về tốc độ và số ngành là ở khu vực kinh tế Trung ương trên địa bàn. Trong đó chỉ có 12/22 ngành công nghiệp có sự tăng trưởng như: sản xuất giấy và các sản phẩm giấy (tăng 36,3%), sản xuất khoáng phi kim loại (tăng 28,1%), vô tuyến thiết bị thông tin (tăng 21%), thuốc lá (tăng 19,3%); Còn 10/22 ngành sản xuất quan trọng khác giảm mạnh như đồ da (giảm 75,9%), chế biến gỗ và lâm sản (giảm 59%), chế tạo thiết bị máy (giảm 34,7%), sản xuất phương tiện vận tải khác (giảm 16,6%), sản xuất dụng cụ chính xác (giảm 9,9%), đặc biệt là sản xuất giường tủ giảm 3,9% trong khi tăng đến 85,9% ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Trong năm 2007, ước khoảng 50.000 doanh nghiệp mới đăng ký kinh doanh với số vốn đăng ký khoảng 350 tỷ đồng. Số DNNN được sắp xếp theo kế hoạch cả

năm khoảng 650 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa khoảng 550 doanh nghiệp. Hầu hết các DNNN sau khi chuyển đổi, cổ phần hóa đều hoạt động có hiệu quả, quy mô vốn và sản xuất được nâng cao, lợi nhuận và thu nhập của người lao động được cải thiện. Đồng thời với quá trình cổ phần hóa, sắp xếp lại DNNN, một số tập đoàn kinh tế với nhiều doanh nghiệp thành viên đa sở hữu đã được hình thành.

Tuy quy mô, sự tăng trưởng có giảm và được tiến hành cổ phần hóa nhưng khu vực DNNN có số thu đạt tương đối khá, đặc biệt là hoạt động có hiệu quả của các DN địa phương. Các DN địa phương nộp đã nộp khoảng trên 321 tỷ đồng, ước đạt 84,23% dự toán. Nếu loại trừ khoản ghi thu ghi chi qua ngân sách địa phương, ước đạt 56,74% dự toán pháp lệnh, tăng trưởng 41,56%. Số thu từ DNNN Trung ương đạt 5.883 tỷ đồng, bằng 49,45% dự toán pháp lệnh, 47,09% dự toán phân đầu. Một số nguồn thu lớn được đôn đốc kịp thời, như thu chênh lệch thu chi ngân hàng Nhà nước (*nộp đạt 700 tỷ đồng*). Khu vực DNNN vẫn có số thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu NSNN, ngành Thuế đã có những biện pháp tích cực, theo dõi sát các khoản phát sinh động viên kịp thời vào NSNN. Thuế TTĐB đạt 51,8% dự toán, tăng 22,88%. Thuế TNDN đạt 49,49% dự toán, tăng 15,92%. Nhìn chung khoản thu TNDN đạt không cao. Chỉ có các DN hạch toán toàn ngành có số nộp cao. Các DN còn lại thực hiện tạm nộp còn thấp, chỉ đạt khoảng 48,5%. Chỉ tiêu thuế TNDN được tính điều tiết cho ngân sách địa phương còn rất thấp, mới đạt 33% dự toán.

Ngành Thuế sẽ tập trung rà soát tờ khai thuế TNDN năm 2007, theo đúng quy định, đôn đốc các DN nộp kịp thời; tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác quản lý thu thuế khu vực dân doanh, rà soát toàn toàn bộ tờ khai thuế TNDN, hướng dẫn và yêu cầu các DN kê khai bổ sung sát thực tế và kiên quyết ấn định đối với các trường hợp không kê khai... ngành Thuế tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối tượng nộp thuế theo kế hoạch, nhằm khai thác nguồn thu đảm bảo việc thực hiện dự toán, chống thất thu ngân sách. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, Cục Thuế sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn chi tiết cho các đối tượng nộp thuế về đăng ký mã số thuế, kê khai thu nhập và quyết toán thuế.

2.2.2. Kết quả thu thuế TNDN từ DNNN trên địa bàn Hà Nội

Sau gần 10 năm triển khai thực hiện cải cách thuế (từ 1990 – 2007), Cục thuế Hà Nội nói riêng và ngành thuế nói chung đã đạt được những kết quả quan trọng, khẳng định định hướng cải cách đúng hướng. Nhờ tăng thu về thuế, đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm năm qua (2003 – 2007) đã góp phần tăng thu ngân sách nhà nước, kiềm chế lạm phát, ổn định giá cả,... Số thu thuế thu nhập doanh nghiệp luôn chiếm một tỷ trọng không nhỏ, khoảng 37% tổng số thu (tham khảo bảng 1).

Bảng 3: Tình hình biến động của thuế TNDN
so với tổng thu toàn Cục trong giai đoạn 2003 – 2007

Đơn vị : Triệu đồng

Năm	Tổng thu	Tốc độ tăng thu	Thuế TNDN	Tốc độ tăng thu thuế TNDN
2003	18.184.495	113%	7.342.134	120%
2004	22.361.567	123%	9.244.851	126%
2005	26.741.945	120%	9.605.059	104%
2006	34.151.130	128%	13.483.393	140%
2007	40.542.380	119%	11.937.358	89%

(Nguồn Cục thuế Hà Nội)

Nhìn qua bảng số liệu trên ta thấy tốc độ tăng thu thuế thu nhập doanh nghiệp thường cao hơn tốc độ tăng thu của toàn Cục. Đặc biệt năm 2006 là năm bội thu của Cục thuế (số thuế tăng thêm 7.409.185 triệu đồng, tức tốc độ tăng thu đạt 128%) thì cũng là năm số thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 3.878.334 triệu đồng với tốc độ tăng thu đạt 140%. Điều này chứng minh rằng số thu tăng lên của toàn Cục có một sự đóng góp rất lớn từ số thu tăng thêm của thuế thu nhập doanh nghiệp.

Mặt khác, cũng dựa vào bảng số liệu trên ta thấy tốc độ tăng thu thuế thu nhập doanh nghiệp liên tục tăng qua các năm, đỉnh điểm là năm 2006, 140%. Riêng năm 2007 tốc độ tăng thu có giảm xuống (89%), do đây là năm đầu tiên Việt Nam là thành viên của WTO nên có nhiều chính sách thuế thay đổi và một số sắc thuế có thuế suất cao phải giảm xuống. Song trong các năm tiếp theo số thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tăng trở lại và tăng mạnh hơn vì với mức thuế suất ưu đãi sẽ khuyến khích các nhà đầu tư mở doanh nghiệp nhiều hơn, tiến hành sản xuất kinh doanh mạnh hơn, nhờ đó Cục thuế thu được thuế thu nhập nhiều hơn.

2.2.3. Quản lý thu thuế TNDN đối với DNN của Cục thuế Hà Nội:

2.2.3.1. Công tác quản lý đối tượng nộp thuế:

Theo chủ trương của nhà nước về tinh giản bộ máy hành chính, Cục thuế Hà Nội kết hợp với các ban ngành có liên quan tiến hành quản lý doanh nghiệp thông qua “*bộ phận một cửa*”. Nhờ cơ chế quản lý này góp phần giảm chi phí và tăng hiệu quả quản lý đối với Cục thuế, đồng thời giảm thời gian, sự phiền hà cho doanh nghiệp.

Sau khi bộ phận một cửa tiến hành xong thủ tục đăng ký thuế và cấp mã số thuế cho doanh nghiệp, phòng kê khai – kế toán thuế nhập và xử lý thông tin đăng ký thuế trên máy tính, truyền dữ liệu về trung tâm tin học – thống kê Tổng cục thuế để kiểm tra tính duy nhất và hợp lệ của mã số thuế và tiến hành phân cấp quản lý doanh nghiệp.

- Phân cấp quản lý doanh nghiệp ngoài quốc doanh: Cục thuế xây dựng nguyên tắc và tiêu thức phân cấp quản lý doanh nghiệp để dự kiến danh sách những doanh nghiệp ngoài quốc doanh phân cấp về Chi cục thuế quản lý. Hàng tháng, Cục thông báo cho các Chi cục thuế biết danh sách các doanh nghiệp ngoài quốc doanh mới đăng ký thuế phân cấp về Chi cục thuế quản lý.

- Phân cấp phòng quản lý doanh nghiệp tại Cục thuế: căn cứ vào tiêu thức phân công quản lý doanh nghiệp của Cục thuế, phòng kê khai – kế toán thuế thông báo danh sách doanh nghiệp mới đăng ký giao cho các bộ phận quản lý. Cụ thể, đối

với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc sự quản lý của phòng kiểm tra 1, phòng thanh tra 1; DNNN thuộc sự quản lý của phòng kiểm tra 2, 3 và phòng thanh tra 2; doanh nghiệp ngoài quốc doanh thuộc sự quản lý của phòng kiểm tra 4, thanh tra 3. Các phòng quản lý chức năng này trực tiếp kiểm tra tờ khai thuế, tình trạng nợ đọng thuế của doanh nghiệp, tổ chức thanh tra để phát hiện các sai phạm và đề nghị xử lý các vi phạm pháp luật thuế.

Với mô hình quản lý thuế theo chức năng cùng với hệ thống tin học đã giúp cho Cục thuế quản lý các doanh nghiệp tốt hơn, mọi thông tin được kiểm tra một cách chính xác và thông báo kịp thời tới các doanh nghiệp.

2.2.3.2. Công tác quản lý hóa đơn chứng từ:

Đối với các doanh nghiệp mới thành lập, trong quá trình xét hồ sơ đăng ký thuế để cấp mã số thuế, nếu doanh nghiệp có gửi kèm đơn xin mua hóa đơn thì Cục thuế sẽ tiến hành xác minh trụ sở đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trước khi phát hành hóa đơn cho doanh nghiệp. Trong trường hợp không kịp xác minh địa điểm và lập sổ bán hóa đơn thì Cục thuế vẫn cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế theo đúng thời hạn, còn phòng kiểm tra vẫn tiến hành xác minh địa điểm trụ sở của doanh nghiệp để giải quyết việc bán hóa đơn cho doanh nghiệp. Việc làm này sẽ hạn chế hóa đơn bị trôi nổi ngoài thị trường khi doanh nghiệp đưa nhau thành lập để mua hóa đơn mà không có trụ sở kinh doanh chính thức. Nhờ đó, làm giảm hoạt động mua bán hóa đơn không ngoài thị trường gây tổn thất nguồn thu thuế cho ngân sách nhà nước.

Sau mỗi kỳ tính thuế, doanh nghiệp thực hiện tự kê khai, tự nộp thuế cho nhà nước. Phòng kê khai – kế toán thuế nhận tờ khai thuế do doanh nghiệp nộp qua bộ phận một cửa và chuyển lên cho các phòng kiểm tra, thanh tra thuế. Các phòng này nhập các thông tin trên tờ khai thuế vào chương trình quản lý thuế trên máy tính để xác định số thuế phải nộp và phát hiện lỗi tờ khai. Trong quá trình xử lý tờ khai, cán bộ các phòng kiểm tra trước hết phải kiểm tra tại bàn để kiểm tra tính đầy đủ của tờ khai, đúng mẫu tờ khai quy định; đồng thời qua tờ khai thuế, cán bộ cần kiểm tra

được mã số hóa đơn mà Cục thuế bán cho doanh nghiệp sử dụng, xem xét tính liên tục của mã số hóa đơn trong kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra,...Nhờ đó Cục thuế quản lý quá trình sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về sử dụng hóa đơn chứng từ.

Hàng tháng phòng kê khai – kế toán thuế thống kê tình hình kê khai và nộp thuế của các doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, còn các phòng kiểm tra thì lưu các bảng kê hóa đơn, bảng phân tích dấu hiệu kê khai thuế sai và kết quả xử lý theo từng tháng.

2.2.3.3. Công tác thanh tra, kiểm tra:

Nhận thức được yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực thuế hiện nay ngày càng đòi hỏi phải minh bạch rõ ràng đảm bảo dân chủ và công bằng xã hội, ngoài việc ban hành hệ thống chính sách thuế hợp lý, đúng đắn, tổ chức quản lý khoa học thì cần chú trọng tới cả công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Mặt khác số lượng doanh nghiệp ngày một nhiều với quy mô ngày một lớn tiến hành hoạt động kinh doanh ngày càng đa dạng và phong phú. Vì vậy, Cục thuế đã chú trọng xây dựng hệ thống thanh tra được nâng cao cả về số lượng lẫn chất lượng. Ngày 31/10/2005, ngành thuế còn ban hành cả một quy trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. Với nỗ lực của toàn Cục thuế Hà Nội, công tác thanh tra thuế đã đạt được những kết quả sau:

Bảng 4: Kết quả thanh tra đối với doanh nghiệp nhà nước

Đơn vị : Triệu đồng

Năm	Số DNNN thanh tra	Tỷ lệ DNNN thanh tra giữa các năm	Số thuế TNDN truy thu	Tỷ lệ số thuế TNDN truy thu
2003	127	98%	20.036	156%
2004	155	122%	9.961	50%
2005	110	71%	7.394	74%
2006	142	129%	8.925	121%
2007	120	84%	11.781	132%
Trung bình	131	101%	11.619	107%

(Nguồn Cục thuế Hà Nội)

Qua bảng phân tích ta thấy, số lượng doanh nghiệp nhà nước được thanh tra hầu như tăng qua các năm, đặc biệt vào năm 2006 (129%). Nguyên nhân là do quy trình thanh tra của Tổng Cục thuế có hiệu lực và đưa vào áp dụng. . Vì vậy, cuối năm 2006, Cục thuế đã thanh tra, kiểm tra được gần 142 doanh nghiệp nhà nước, tăng 29% so với năm 2005. Điều này chứng minh rằng công tác thanh tra đã được mở ra trên diện rộng và cán bộ thuế đã đông đảo về số lượng, trình độ chuyên môn được nâng cao. Tuy nhiên đầu năm 2007, Luật Quản lý thuế bắt đầu có hiệu lực, Cục Thuế đã quản lý thuế được chặt chẽ và sát xao tới nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thu nhập cao,...vào diện quản lý thuế, trong đó có nhiều doanh nghiệp nhà nước, do vậy đối tượng thanh tra, kiểm tra giảm hơn, giảm 16% so với năm 2006. (Số liệu bảng 4)

Nhờ tăng cường công tác thanh tra qua các năm trên mà số thuế truy thu nói chung của Cục thuế tăng 13% và số thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu nói riêng tăng 7%. Nhìn qua bảng số liệu trên ta cũng thấy trong hai năm 2006 và năm 2007 không những số lượng DNNN được thanh tra nhiều hơn mà số thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu cũng tăng theo (*năm 2006 là 121%, năm 2007 là 132%*). Nguyên nhân bởi năm 2007 Việt Nam là chính thức gia nhập WTO, nhà nước có những chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (*ví dụ miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho những doanh nghiệp mới thành lập,...*) nên công tác thanh tra trong hai năm này được tăng cường để góp phần tạo lập công bằng về nghĩa vụ thuế, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Mặt khác quy trình thanh tra, kiểm tra được tiến hành ở tất cả các khâu của quá trình thu thuế của doanh nghiệp nên cán bộ thuế phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế. Nhờ vậy nên số lượng thanh tra năm 2007 tuy có giảm 16% nhưng số thuế truy thu lại tăng lên 32% so với năm 2006. Qua đó góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần nâng cao dần tính tuân thủ tự giác trong việc chấp hành nghĩa vụ thuế của đối tượng nộp thuế. (*Số liệu bảng 4*)

2.2.3.4. Công tác thu nợ và cưỡng chế thuế:

Quản lý thu nợ và cưỡng chế thuế là một khâu quan trọng trong hệ thống quản lý thuế, là một chức năng chính của mô hình quản lý thuế theo chức năng trong cơ chế tự khai - tự nộp thuế. Vì vậy, Cục thuế Hà Nội coi thu nợ và cưỡng chế thuế là một trong những chức năng, nhiệm vụ chính của Cục. Để thực hiện được nhiệm vụ này, Cục cùng với toàn ngành thuế triển khai quy trình thu nợ thuế được ban hành ngày 24/10/2005. Theo quy trình Cục thuế đã tổ chức theo dõi, đôn đốc đối tượng nộp thuế đầy đủ, kịp thời tiền thuế vào ngân sách nhà nước, xử phạt vi phạm hành chính những đối tượng nộp thuế dấy dưng, chây ỳ, không nộp thuế. Tính đến ngày 31/12/2007, đã chốt nợ được 1.118 đơn vị với số nợ đọng khoảng 1.754 tỷ đồng tiền thuế TNDN; chuyển hồ sơ các đơn vị nợ đọng trên 90 ngày sang phòng quản lý thu nợ 64 đơn vị; thu nợ và tiền phạt thuế khoảng 1.032 tỷ đồng góp phần tăng thu cho Cục thuế.

Cục thuế Hà Nội tiến hành đối chiếu, phân loại chính xác tất cả các khoản nợ thuế, gồm nợ không còn đối tượng để thu (*người nợ thuế mất tích, bỏ trốn, chết*), DN nợ thuế giải thể, phá sản và nợ có khả năng thu hồi. Đối với các khoản nợ không có khả năng thu, tạm thời chưa có khả năng thu hồi, cục Thuế kiến nghị Tổng cục thuế, Bộ Tài chính, Chính phủ khoan nợ, xóa nợ, giãn nợ. Với các khoản nợ có khả năng thu hồi, Cục thuế kết hợp với UBND địa phương, tìm biện pháp thu hồi nợ thuế, tổ chức cưỡng chế thu hồi nợ thuế... Kết quả, số tiền nợ thuế ngày một giảm. Năm 2007, số nợ thuế giảm ít nhất 15% so với năm 2006, trong đó giảm số nợ thuế có khả năng thu xuống mức thấp nhất.

2.3. Đánh giá hoạt động quản lý thuế TNDN đối với DNN của Cục thuế Hà Nội

2.3.1. Những thành tựu về công tác quản lý thuế trong giai đoạn 2003 – 2007

Sau gần 15 năm hoạt động (*từ 1990 – nay*), Cục thuế Hà Nội nói riêng và ngành thuế nói chung đã đạt được những kết quả quan trọng, thể hiện trên các mặt chủ yếu sau:

- Xây dựng được hệ thống chính sách thuế bao quát hầu hết các nguồn thu trong nền kinh tế và ngày càng hoàn thiện phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Chính sách thuế thực sự trở thành công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế một cách hiệu quả. Hệ thống chính sách thuế từng bước đơn giản hoá, rõ ràng, minh bạch; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng, phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, khuyến khích mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài.

- Tổ chức quản lý thu thuế ngày càng có hiệu quả. Ngành thuế luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ động viên ngân sách nhà nước với số thu năm sau luôn cao hơn năm trước.

- Cải tiến các quy trình, biện pháp nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ tin học vào quản lý thuế. Riêng năm 2005 Tổng Cục thuế đã ban hành bốn quy trình, bao gồm: quy trình xử lý tờ khai và kế toán thuế đối tượng nộp thuế, quy trình đơn đốc kê khai và xử phạt vi phạm về kê khai thuế, quy trình đơn đốc nợ và cưỡng chế thuế, quy trình thanh tra kiểm tra.

- Xây dựng được bộ máy và đội ngũ cán bộ ngày càng trưởng thành và lớn mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng.

Bám sát chỉ đạo của Tổng Cục thuế, Cục thuế Hà Nội tiến hành tổ chức bộ máy theo chức năng. Theo đó, cơ cấu tổ chức bao gồm các bộ phận thực hiện một hoặc một số chức năng nhất định trong quy trình quản lý thuế: phòng tuyên truyền và hỗ trợ đối tượng nộp thuế, Phòng xử lý tờ khai và dữ liệu về thuế, phòng cưỡng chế và quản lý thu nợ, phòng thanh tra, kiểm tra thuế,... Nhờ vậy, Cục thuế đạt được hiệu quả quản lý cao; tạo điều kiện cho đối tượng nộp thuế tăng cường tính tự giác và giảm chi phí quản lý thuế; giảm thiểu hiện tượng tiêu cực, tham nhũng trong quản lý thuế. Sau đây là một số kết quả nổi bật:

** Công tác tuyên truyền và hỗ trợ đối tượng nộp thuế:*

Nắm được sự cần thiết của công tác tuyên truyền chính sách thuế cho người nộp thuế là nhằm làm cho các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội kịp thời nắm bắt các quy định về thuế, hiểu được bản chất tốt đẹp và ý nghĩa quan trọng của việc nộp thuế, là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền lợi chính đáng của bản thân người nộp thuế, Cục thuế Hà Nội coi công tác này là một trong những biện pháp công cụ quan trọng nhất để đạt tới mục đích là sự tuân thủ tự nguyện một cách cao nhất của đối tượng nộp thuế. Cục tiến hành phối hợp chặt chẽ với các cơ quan ban ngành như báo hình, báo nói, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, đối thoại, tọa đàm, họp báo, xây dựng phim truyền hình, phóng sự có liên quan đến các cơ quan thông tin đại chúng để tổ chức các hình thức tuyên truyền. Đồng thời tổ chức phổ biến pháp luật thông qua việc in ấn, cấp phát miễn phí cho đối tượng nộp thuế các tài liệu tuyên truyền về thuế; Tổ chức dựng mới, tu sửa lại hàng nghìn pano, áp phích tuyên truyền, cổ động

về thuế tại các địa điểm công cộng, khu đông dân. Ngày 3/4/2007, cục Thuế Hà Nội đã tổ chức hội nghị tập huấn triển khai phần mềm ứng dụng hỗ trợ kê khai thuế cho gần 7.500 doanh nghiệp trên địa bàn. Đây là phần mềm được tổng cục Thuế xây dựng để cấp miễn phí cho doanh nghiệp.

Trong thời gian qua, Cục thuế cũng đã triển khai được nhiều dịch vụ hỗ trợ như: tổ chức hướng dẫn các chính sách thuế, các thủ tục về thuế cho các doanh nghiệp mới thành lập; giải đáp các vướng mắc cho các tổ chức nộp thuế thông qua trả lời bằng điện thoại, bằng văn bản hoặc trực tiếp tại cơ quan thuế; tổ chức thường xuyên việc đối thoại với doanh nghiệp để giải đáp các vướng mắc của các đối tượng nộp thuế và tiếp thu ý kiến để nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, chế độ về thuế; tôn vinh kịp thời các doanh nghiệp thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đồng thời lên án các hành vi trốn thuế, lậu thuế,... Nhờ vậy, ý thức tuân thủ pháp luật và chính sách thuế ngày một cao, các sai sót vi phạm về thuế giảm dần, tỷ lệ doanh nghiệp nộp tờ khai đúng hạn đạt trên 90%, các sai sót cố ý trong tờ khai giảm, làm cho số thuế nợ đọng giảm theo; quan hệ giữa Cục thuế và doanh nghiệp ngày càng thân thiện, đang trở thành người bạn đồng hành trong việc thực thi pháp luật và chính sách thuế.

** Công tác thanh tra, kiểm tra:*

Do Hà Nội là trung tâm kinh tế của cả nước nên Cục thuế Hà Nội thường phải quản lý đối tượng nộp thuế là các doanh nghiệp có quy mô lớn, hoạt động sản xuất kinh doanh đa dạng và phong phú. Vì vậy, Cục thuế tổ chức bộ máy quản lý thuế với ba phòng thanh tra và bốn phòng kiểm tra để quản lý doanh nghiệp, riêng doanh nghiệp nhà nước được quản lý bởi hai phòng kiểm tra (*phòng Kiểm tra 2 và 3*). Số lượng nhân lực ở các phòng thanh tra, kiểm tra khá đông (*khoảng trên 30 người*) để đảm nhận trách nhiệm và khối công việc, lực lượng này cũng được Cục thuế nâng cao chất lượng, các năm vẫn cử cán bộ đi học tập và tập huấn thêm về nghiệp vụ,...

Hàng năm, Cục thuế tổ chức thanh tra được trung bình khoảng 1.200 doanh nghiệp trong đó có khoảng 130 là doanh nghiệp nhà nước, truy thu được 11.619

triệu đồng tiền thuế cho ngân sách nhà nước. Từ khi áp dụng quy trình thanh tra của Tổng cục thuế ban hành, thời gian và chi phí thanh tra doanh nghiệp đã rút ngắn đi nhiều. Việc thanh tra, kiểm tra trên cơ sở phân tích báo cáo tài chính và tờ khai thuế của các doanh nghiệp giúp cán bộ thuế phát hiện kịp thời các sai phạm và nêu nghị ngờ về những sai phạm nghiêm trọng sẽ tiến hành thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp.

Hầu hết các doanh nghiệp được tiến hành thanh tra, kiểm tra cũng có tình trạng trốn thuế và nợ đọng tiền thuế, trong đó có thuế thu nhập doanh nghiệp. Đa phần các sai phạm chủ yếu do các doanh nghiệp cố tình hạch toán sai, không đúng nguyên tắc. Cụ thể:

- Đơn vị chưa ghi tỷ giá hạch toán đúng thời điểm phát sinh doanh thu ngoại tệ và không theo dõi doanh ngoại tệ phù hợp với chế độ hiện hành. Ví dụ, hạch toán doanh thu theo tỷ giá khi ký hợp đồng có giá trị trong thời gian từ 15 ngày đến 30 ngày.

- Lập chứng từ phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh không đúng chế độ kế toán quy định, dùng phiếu tạm ứng để hạch toán chi phí xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chứ không căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng.

- Xác định nguồn vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung còn thiếu sót như đưa số liệu đánh giá lại tài sản cố định chưa đủ cơ sở pháp lý để làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu; chênh lệch đánh giá lại tài sản chưa được xác nhận của cơ quan tài chính.

- Hạch toán các khoản chi phí những hoạt động kinh tế phát sinh không có hoá đơn chứng từ hợp lệ để xác định thu nhập chịu thuế.

Cục thuế Hà Nội cùng với toàn ngành thuế phải nỗ lực hơn nữa trong việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp, có vậy mới hạn chế tình trạng trốn thuế, gian lận thuế, góp phần thu đúng, thu đủ thuế cho ngân sách nhà nước.

** Công tác thu nợ và cưỡng chế thuế:*

Cục thuế bước đầu đã chỉ đạo rà soát, đối chiếu, phân loại nợ theo tính chất nợ, thời gian nợ, nguyên nhân nợ và có những biện pháp xử lý phù hợp đối với từng nhóm đối tượng nộp thuế khác nhau. Hàng tháng từng cán bộ của phòng kiểm tra đều phân tích nợ, phòng nắm chắc số nợ đọng và có các biện pháp đôn đốc nộp ngân sách. Với các đơn vị nợ đọng trên 90 ngày được chuyển sang phòng quản lý thu nợ. Với các đơn vị nợ thông thường thì tiến hành chốt nợ và ra thông báo nợ tới các doanh nghiệp. Kết quả đã đôn đốc thu được trên 90 % tổng số nợ phát sinh qua các kỳ kê khai, ý thức chấp hành nghĩa vụ kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp thực hiện tự khai tự nộp được nâng cao rõ rệt, đảm bảo trên 95% số doanh nghiệp nộp tờ khai đúng thời hạn, tỷ lệ nợ phát sinh qua các kỳ kê khai giảm dần,...

** Ứng dụng tin học trong công tác quản lý thuế:*

Muốn cải cách và hiện đại hoá ngành thuế thì công tác thu thuế phải gắn liền với sự phát triển của hệ thống ngân hàng và công nghệ thông tin. Ngành thuế nói chung và Cục thuế Hà Nội nói riêng coi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế có tính chất quyết định đến sự thành công của cải cách thuế.

Trong thời gian qua, tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng Cục thuế Hà Nội đã có những định hướng đúng đắn trong việc phát triển ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực quản lý thuế. Nhờ đó mà Cục thuế đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác ứng dụng công nghệ thông tin. Cụ thể như sau:

- Triển khai đề án tin học hoá ngành thuế giai đoạn 2002 – 2005 rất thành công. Đến nay, hệ thống mạng thông tin ngành thuế đã kết nối được tất cả các tỉnh thành trong cả nước với hai máy chủ là Hà Nội và TP. HCM, hệ thống mạng của Cục thuế Hà Nội cũng kết nối được tất cả các phòng ban trong toàn Cục, với các

Cục thuế khác và với Tổng Cục thuế. Số lượng máy tính bình quân một máy trên một đầu người. Nhờ vậy, việc trao đổi thông tin về thuế và các doanh nghiệp được thực hiện rất nhanh chóng. .

- Áp dụng hiệu quả các chương trình phần mềm để xử lý thông tin thuế như: đăng ký thuế, cấp mã số thuế, xử lý tờ khai, chứng từ nộp thuế, tính thuế, tính phạt thuế và xử lý truyền nhận thông tin báo cáo kê toán thuế,...

- Tổ chức hướng dẫn một số thủ tục cơ bản về kê khai đăng ký thuế, nộp thuế miễn phí cho các doanh nghiệp trên phần mềm hỗ trợ tự khai tự tính tự nộp.

Nhờ những định hướng đúng đắn trong việc phát triển ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực quản lý thuế, tuy số lượng đối tượng nộp thuế tăng lên rất nhanh, khối lượng thông tin kê khai, nộp thuế phải xử lý tăng lên gấp bội, cán bộ ngành thuế không tăng nhưng Cục thuế vẫn hoàn thành tốt nhiệm thu ngân sách nhà nước năm sau cao hơn năm trước.

** Đội ngũ cán bộ Cục thuế không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn.*

Cục thuế luôn đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng dưới nhiều hình thức: Vừa đào tạo kiến thức cơ bản ở các trường lớp chính quy trong nước, vừa tăng cường tập huấn chính sách chế độ thuế, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hành thu, bồi dưỡng các kiến thức quản lý nhà nước, tin học ngoại ngữ. Nhờ vậy, cục thuế Hà Nội đã có một đội ngũ cán bộ trưởng thành cả về chất lượng và số lượng.

Trong giai đoạn qua, đội ngũ cán bộ Cục thuế đã phát triển vượt bậc. Năm 2004, số lượng cán bộ Cục mới chỉ là 1864 trong đó: trình độ trên đại học chỉ có 12 người (*chiếm 0.64%*), đại học có 1193 người (*64%*), trình độ trung cấp và sơ cấp có 643 người (*34.5%*), còn lại là lực lượng chưa qua đào tạo làm công tác tạp vụ và bảo vệ. Đến 2007 số lượng cán bộ Cục đã lên tới 1.952 người, trong đó có 16 người trên đại học (*0.8%*), 1356 người có trình độ đại học (*69.5%*), 621 người có trình độ trung cấp và sơ cấp (*31.8%*), còn lại chưa qua đào tạo, chủ yếu làm công tác tạp vụ bảo vệ.

Có thể nói, cán bộ cục thuế đã không ngừng rèn luyện, tu dưỡng, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ thu; luôn luôn gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; có tinh thần tích cực học tập nâng cao trình độ; giữ vững đạo đức phẩm chất kiên định đấu tranh bảo vệ pháp luật nhà nước đặc biệt là pháp luật thuế. Mỗi một công chức đã góp phần xây dựng truyền thống vẻ vang đáng trân trọng và tự hào của Cục Thuế Hà Nội.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong công tác quản lý thuế

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được ở trên, trong công tác quản lý thuế tại Cục thuế Hà Nội cũng còn tồn tại một số hạn chế ở các mặt sau:

- *Công tác tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế:*

- Một số tổ chức kinh tế xã hội, thậm chí ở một vài cơ quan nhà nước nhận thức về thuế còn rất hạn chế, chưa nắm vững được các nội dung cơ bản của các chính sách, pháp luật về thuế. Do vậy, vẫn còn các sai phạm, vi phạm pháp luật thuế.

- Các hình thức tuyên truyền chưa gây được ấn tượng, thu hút được công chúng.

- Công tác hỗ trợ đối tượng nộp thuế chưa xây dựng một hệ thống văn bản hướng dẫn, trả lời về tất cả các sắc thuế, thủ tục hành chính chưa thống nhất trong cả nước. Do Cục thuế Hà Nội tự tổ chức nên chưa đầy đủ, chưa chính xác và chưa nhất quán.

- Cơ sở vật chất và phương tiện dùng cho công tác tuyên truyền hỗ trợ còn nghèo nàn, lạc hậu, chật chội, không đáp ứng được yêu cầu của công việc này.

Các tồn tại trên đã khiến cho một số doanh nghiệp chưa hiểu được bản chất tốt đẹp của công tác thuế, do vậy ý thức tuân thủ tự giác chưa thật cao. Biểu hiện ở số doanh nghiệp thực tế có kinh doanh nhưng chưa kê khai nộp thuế, hoặc doanh nghiệp có kê khai nhưng kê khai không đúng số thuế phải nộp hoặc nộp không

đủ,... (tỷ lệ này thường chiếm khoảng 5% - 7%). Để khắc phục những tồn tại trên, Cục thuế kết hợp với Tổng cục thuế triển khai thực hiện chương trình hiện đại hoá công tác tuyên truyền và hỗ trợ đối tượng nộp thuế (2005 – 2010).

- *Công tác thanh tra, kiểm tra:*

Cơ quan thuế chưa được giao chức năng khởi tố điều tra các vụ án vi phạm pháp luật về thuế mà đều phải chuyển qua cơ quan công an. Do vậy, một số doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật thuế nhưng điều tra rất chậm và kết quả rất hạn chế, Cục thuế không truy thu và nộp tiền phạt kịp thời cho ngân sách nhà nước.

Tổ chức bộ máy thanh tra còn mỏng, số lượng cán bộ thanh thuế chưa tương xứng với khối lượng công việc của Cục thuế, đặc biệt số lượng doanh nghiệp nhà nước do Cục thuế quản lý rất lớn (chiếm khoảng 53%).

Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế còn chưa đủ mạnh; chưa xây dựng chương trình phần mềm ứng dụng hỗ trợ cho công tác thanh tra, kiểm tra. Hoạt động thanh tra vẫn chủ yếu tiến hành tại các doanh nghiệp và còn thủ công nên thời gian thanh tra còn dài và chi phí tốn kém.

- *Công tác thu nợ và cưỡng chế thuế:*

Chính phủ chưa có Nghị định quy định về thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong đó có lĩnh vực thuế, nên đã gây khó khăn cho Cục thuế trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế, chưa đủ cơ sở pháp lý để truy thu hết số tiền thuế, tiền phạt đối tượng nộp thuế còn nợ ngân sách nhà nước.

Chưa có quy định cho cơ quan thuế được thoả thuận đối với doanh nghiệp để lập kế hoạch cho phép doanh nghiệp nộp dần những khoản nợ thuế tồn đọng phù hợp với tình trạng tài chính của doanh nghiệp, đảm bảo việc thu nợ thuế được khả thi, giúp đỡ những doanh nghiệp có ý thức tuân thủ nhưng có khó khăn về mặt tài chính trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

Chưa áp dụng các kỹ năng phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp nợ thuế như: khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, ... để đánh giá khả năng thu nợ.

Với các tồn tại trên đã gây dẫn tới tình trạng nợ đọng thuế ở một số doanh nghiệp, gây thất thu ngân sách nhà nước.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế:*

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào một số chức năng của quản lý thuế như tuyên truyền hỗ trợ, thanh tra, kiểm tra còn hạn chế.

Mô hình xử lý thông tin phân tán, mô hình mạng dàn trải ở tất cả các đơn vị đã gây áp lực lớn về việc quản trị, vận hành, và đầu tư.

Đội ngũ cán bộ tin học còn thiếu, phải đảm nhận nhiều nhiệm vụ, trình độ chuyên môn còn yếu nên chưa thực hiện chuyên môn hoá theo chức năng quản lý tin học.

- *Đội ngũ cán bộ:*

Nhìn chung, đại đa số cán bộ Cục thuế đều là những công chức có tinh thần trách nhiệm, tận tụy vì công việc; luôn tự rèn luyện đạo đức và nâng cao năng lực trình độ. Tuy nhiên, so với yêu cầu đổi mới kinh tế và yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa thì đội ngũ công chức thuế còn một số hạn chế, cần khắc phục; nếu so với yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng rộng và sâu thì đội ngũ công chức thuế còn thiếu nhiều kiến thức, kỹ năng quản lý thuế quốc tế và khu vực, đòi hỏi cán bộ thuế cần phải được đào tạo, bồi dưỡng để bổ sung kiến thức quản lý thuế tiên tiến, hiện đại. Cụ thể:

- Còn thiếu kiến thức chuyên sâu, chuyên nghiệp và kỹ năng quản lý thuế hiện đại, như kiến thức phân tích, dự báo, xử lý tờ khai và các dữ liệu thuế, tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế, theo dõi, đôn đốc thu nợ, cưỡng chế thuế, điều tra, thanh tra, xử lý các vi phạm về thuế; kiến thức kế toán, phân tích đánh giá tài chính doanh nghiệp; kiến thức tin học phục vụ cho công tác quản lý thuế.

- Nguồn nhân lực của Cục phân bổ chưa hợp lý, cán bộ tại các bộ phận thực hiện chức năng quản lý thuế chủ yếu còn mỏng. Ví dụ: năm 2007, cán bộ tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế có khoảng 78 người (*đạt 4% tổng cán bộ toàn Cục*); cán bộ tin học xử lý tờ khai có 139 người (*đạt 7.1%*); cán bộ thanh tra, kiểm tra có 235 người (*đạt 12%*); ...

- Chưa xây dựng hệ thống chương trình và giáo trình bồi dưỡng nghiệp vụ có tính chất chuyên nghiệp, chuyên sâu theo các chuẩn mực quản lý tiên tiến hiện đại; chưa xây dựng được cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực, do vậy, công tác đào tạo thiên về các kiến thức cơ bản và kinh tế tái chính.

Chính vì vậy, cán bộ Cục thuế phải thường xuyên tự học tập, rèn luyện là chính. Cục thuế cũng luôn quan tâm đến công tác đào tạo cán bộ thuế trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực toàn ngành.

Chương III

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ THUẾ TNDN ĐỐI VỚI DNNN TẠI CỤC THUẾ HÀ NỘI

3.1. Quan điểm định hướng quản lý thuế TNDN đối với DNNN tại Cục thuế Hà Nội:

Muốn quản lý tốt thuế TNDN đối với DNNN thì trước hết phải tăng cường quản lý nhà nước đối với DNNN. Trong điều kiện mới, nền kinh tế thị trường mở cửa hội nhập hiện nay, cần có những định hướng sắp xếp, đổi mới DNNN. Cụ thể:

- Điều chỉnh cơ cấu DNNN: đại bộ phận DNNN có quy mô vừa và lớn, công nghệ tiên tiến; một bộ phận cần thiết có thể có quy mô nhỏ để kinh doanh những sản phẩm, dịch vụ thiết yếu, nhất là cho vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; chuyển doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn sang hoạt động theo luật doanh nghiệp; đẩy mạnh cổ phần hóa những DNNN mà nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn. Đây là khâu quan trọng để tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả DNNN.

- Đổi mới cơ chế quản lý để DNNN được tự chủ thực sự trong kinh doanh, tự chịu trách nhiệm, chủ động hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo pháp luật; nhà nước chỉ thực hiện chính sách bảo hộ có điều kiện đối với những ngành, lĩnh vực, sản phẩm quan trọng; xóa mọi bao cấp đổi mới DNNN, đồng thời có chính sách đầu tư đúng đắn và hỗ trợ phù hợp với những ngành, lĩnh vực, sản phẩm cần ưu tiên phát triển.

- Phân biệt rõ chức năng của cơ quan đại diện quyền chủ sở hữu của nhà nước với chức năng điều hành sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; giao cho doanh nghiệp quyền quyết định nhiều hơn đi đôi với đòi hỏi trách nhiệm cao hơn đối với đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

Từ thực trạng công tác quản lý thuế nói chung và hoạt động quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng, qua thực tế thi hành đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam đang mở cửa hội nhập quốc tế về thuế ngày càng sâu rộng, những hạn chế đó càng trở nên gay gắt hơn. Do vậy, bên cạnh nhiệm vụ đảm bảo động viên nguồn lực cho NSNN thì việc thực hiện cải cách và hiện đại hoá công tác quản lý cũng là nhiệm vụ trọng tâm của công tác thuế trong giai đoạn 2005 - 2010. Trong đó năm 2008, với ý nghĩa là năm trung tâm của cả giai đoạn cải cách và hiện đại hoá. Cụ thể, về thể chế, Tổng cục Thuế sẽ tham gia soạn thảo sửa đổi, bổ sung 3 Luật thuế (Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TNDN, Luật Thuế TTDB) để trình Quốc hội thông qua trong năm 2008. Về quản lý thuế, sẽ đi sâu hoàn thiện các kỹ năng quản lý theo mô hình chức năng.

3.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý thuế TNDN đối với DNNN tại Cục thuế Hà Nội:

Để thực hiện nhiệm vụ rất nặng nề, ngành thuế phải triển khai một khối lượng công việc rất lớn của 10 chương trình cải cách, hiện đại hoá như: cải cách, chuyển đổi các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế theo hướng hiện đại, phù hợp với Luật Quản lý thuế; tiếp tục thực hiện đơn giản hoá thủ tục hành chính thuế với việc rà soát, chuẩn hoá các hồ sơ khai thuế theo hướng đơn giản, phù hợp với thông lệ quốc tế, mở rộng triển khai thực hiện cơ chế “*một cửa*”, “*một cửa liên thông*” với sự thay đổi quan trọng là hợp nhất việc cấp mã số thuế với mã số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp; tổ chức trao đổi, kết nối thông tin giữa cơ quan thuế với các Bộ, ngành để xây dựng hệ thống thông tin về người nộp thuế; kiện toàn, nâng cấp tổ chức bộ máy theo chức năng; tăng cường xây dựng hạ tầng cơ sở và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý thuế, thí điểm nhận tờ khai thuế qua mạng, nộp thuế qua thẻ ATM...

3.2.1. Hiện đại hóa công tác tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế

Trong quá trình cải cách thuế, chính sách thuế chưa ổn định, thường xuyên thay đổi, bổ sung, đối tượng nộp thuế không thể nắm bắt kịp thời, không biết hết các thủ tục và nghĩa vụ thuế của mình. Vì vậy, cần phải hiện đại hoá công tác tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế, giúp cho mọi tổ chức cá nhân hiểu được bản chất tốt đẹp của thuế, từ đó có ý thức tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về thuế trong toàn dân và toàn xã hội.

Để hiện đại hoá công tác tuyên truyền hỗ trợ Cục thuế phải kết hợp với Tổng Cục thuế triển khai một số biện pháp sau:

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu sẵn có về hệ thống văn bản pháp quy, văn bản hướng dẫn về thuế, các thủ tục hành chính thuế trên Website Tổng cục thuế; tổng hợp các câu hỏi, vướng mắc của đối tượng nộp thuế và soạn thảo nội dung trả lời thống nhất theo từng chủ đề.

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ trong hệ thống tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế mạnh cả về số lượng và trình độ. Hằng năm cần tuyển thêm cán bộ tuyên truyền là các sinh viên khá, giỏi mới ra trường thuộc chuyên ngành tài chính - thuế, báo chí – tuyên truyền có trình độ ngoại ngữ, tin học tốt.

- Sử dụng các sâu, rộng các hình thức và biện pháp tuyên truyền khác nhau như: phát triển hệ thống Website của Tổng cục thuế, cung cấp các dịch vụ điện tử (*dịch vụ đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, hỏi đáp qua mạng,...*); phối hợp với các thông tin đại chúng như đài phát thanh - truyền hình, báo chí để xây dựng chuyên mục về thuế định kỳ, xây dựng một số phim phóng sự, kịch ngắn hoặc tổ chức định kỳ các cuộc thi tìm hiểu pháp luật thuế,...; đưa nội dung tuyên truyền về thuế vào nội dung giáo trình giáo dục tại các cấp học theo các nước tiên tiến; phát hành các ấn phẩm tuyên truyền và đổi mới các khẩu hiệu tuyên truyền trên các panô, áp phích theo hướng dễ nhớ, dễ hiểu và thiết thực,...

3.2.2. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thuế

Giải pháp then chốt đó là phải nâng cao được trình độ, năng lực, kỹ năng nghiệp vụ của cán bộ trong toàn ngành. Với tiến trình cải cách, đến nay chúng ta đã xây dựng được những nội dung nền tảng quan trọng, đó là cơ sở pháp lý cho cải cách, hiện đại hoá, chuyển đổi tổ chức bộ máy quản lý sang mô hình quản lý tiên tiến, hình thành được hệ thống qui trình quản lý thuế mới, triển khai nhiều ứng dụng tin học trong quản lý thuế. Nhưng để triển khai, vận hành được và đi tiếp theo chiều sâu của cải cách thành công thì yếu tố con người có trình độ, năng lực là quyết định. Do đó, việc đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ có ý nghĩa rất quan trọng trong giai đoạn này. Để có căn cứ cho đào tạo, trước hết cần phải khẩn trương hoàn thành việc xây dựng Bản mô tả công việc của từng vị trí cán bộ trong tổ chức (*trong bản mô tả này có tiêu chuẩn của cán bộ ở từng vị trí*). Trước mắt, ưu tiên xây dựng Bản mô tả công việc cho các vị trí thuộc các chức năng quản lý thuế chính (*chức năng tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, chức năng xử lý tờ khai thuế, kế toán thuế, chức năng quản lý thu nợ thuế, chức năng thanh tra, kiểm tra thuế*). Trên cơ sở đó đánh giá những kiến thức mà cán bộ còn thiếu, yếu, để xây dựng nội dung, chương trình và tổ chức đào tạo cán bộ phù hợp, cũng như làm căn cứ để đánh giá, bố trí luân phiên, luân chuyển cán bộ. Cụ thể:

- Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ cho từng loại cán bộ thực hiện từng chức năng quản lý thuế,
- Rà soát việc phân bổ nguồn lực thực hiện các chức năng quản lý thuế toàn Cục, đánh giá phân loại công chức theo trình độ, thâm niên công tác,... Cơ cấu lại đội ngũ công chức, đảm bảo tập trung nguồn lực thực hiện các chức năng quản lý thuế chủ yếu theo hướng: cán bộ tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế khoảng 25%, cán bộ dữ liệu và xử lý tờ khai thuế và tin học khoảng 15%, cán bộ cưỡng chế thuế khoảng 10%, cán bộ thanh tra khoảng 30%, cán bộ lãnh đạo, quản lý khoảng 10% và cán bộ phục vụ hậu cần khoảng 10%.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngắn, trung, dài hạn cho đội ngũ công chức thuế; xây dựng hệ thống chương trình và giáo trình bồi dưỡng nghiệp vụ thuế phù hợp với từng loại công chức, từng loại hình bồi dưỡng; xây dựng đội ngũ giảng dạy chuyên trách, kiêm nhiệm đủ trình độ đảm đương công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức toàn Cục thuế; xây dựng trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ thuế chính quy hiện đại,...

3.2.3. Cải cách và hiện đại hoá công tác thanh tra

Trước hết cần rà soát, đánh giá hiện trạng công tác thanh tra trong Cục thuế Hà Nội nói riêng và toàn ngành thuế nói chung. Trình nhà nước bổ sung chức năng điều tra các vi phạm về thuế cho cơ quan thuế.

Nghiên cứu các chuẩn mực quốc tế trong công tác thanh tra của các cơ quan thuế các nước. Rà soát mô hình và các phương pháp thanh tra đã áp dụng trong thí điểm cơ chế TKTN. Xây dựng mô hình, phương pháp thanh tra cho ngành thuế phù hợp với cơ chế quản lý, nhóm ĐTNT và theo từng loại thuế.

Xây dựng và thực hiện phân tích, đánh giá lựa chọn ĐTNT thanh tra áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro và lập kế hoạch thanh tra hàng năm theo cơ chế quản lý TKTN. Đánh giá, hoàn chỉnh và tiếp tục triển khai trong phạm vi và lộ trình mở rộng của cơ chế TKTN theo từng mức độ áp dụng trên cơ sở hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin ĐTNT trong và ngoài ngành thuế và sự hỗ trợ của ứng dụng tin học cho công tác thanh tra.

Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu ĐTNT phục vụ công tác thanh tra thuế từ các thông tin ĐTNT trong và ngoài ngành thuế. Rà soát các nguồn thông tin về ĐTNT cung cấp, hỗ trợ cho công tác thanh tra thuế. Bổ sung yêu cầu về thông tin của ĐTNT cho công tác thanh tra chuẩn bị xây dựng cơ sở dữ liệu ĐTNT đầy đủ tập trung toàn quốc

Xây dựng và triển khai thực hiện các kỹ năng thanh tra thuế đối với từng trường hợp. *(thu thập thông tin, đánh giá rủi ro, lập hồ sơ thanh tra, lập chứng cứ, đánh giá sau thanh tra...)*, bao gồm:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kỹ năng phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp trong thanh tra thuế

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kỹ năng sử dụng thông tin kinh tế ngành trong thanh tra thuế.

Phát triển các chương trình thanh tra đặc biệt theo chuyên ngành và theo từng lĩnh vực như: Xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp thanh tra đối với các ĐTNT sử dụng các giao dịch điện tử theo qui định của Luật giao dịch điện tử; xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp thanh tra chống chuyển giá đối với các công ty đa quốc gia và các giao dịch quốc tế; xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp thanh tra đối với các ĐTNT lớn.

Củng cố công tác thanh tra đối với các ĐTNT thực hiện cơ chế ngoài TKTN, chuyển dần các ĐTNT này sang cơ chế TKTN theo lộ trình áp dụng TKTN và áp dụng phương thức thanh tra mới. Các ĐTNT còn lại thuộc cơ chế cơ quan thuế tính thuế, công tác thanh tra tập trung vào các biện pháp chống thất thu NSNN theo đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế và tập trung thanh tra nội bộ nhằm đảm bảo cơ quan thuế quản lý đủ ĐTNT và đối tượng chịu thuế, tính đúng tiền thuế phải nộp vào NSNN.

Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các ngành có liên quan trong công tác thanh tra thuế: Hải quan, Bộ Tài chính và các cơ quan khác của Chính phủ

Xây dựng mô hình và phương pháp cho công tác điều tra thuế đối với các trường hợp gian lận, trốn thuế. Xây dựng chương trình phối hợp điều tra thuế với các ban ngành khác như: công an, toà án...

Phối hợp xây dựng các phần mềm ứng dụng tin học hỗ trợ công tác thanh tra thuế từ khâu thu thập cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp để phân tích, đánh giá, xác định mức độ rủi ro phục vụ việc lựa chọn đối tượng thanh tra, lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại cơ quan thuế và triển khai kế hoạch thanh tra tại doanh nghiệp. Các phần mềm hỗ trợ bao gồm: phần mềm hỗ trợ phân tích, nhận dạng rủi ro (*phân tích ngang, dọc, tỷ suất, giá trị,...*); phần mềm hỗ

trợ chuyển đổi, xử lý dữ liệu đầu vào (*doanh nghiệp, cơ quan chính phủ, thông tin khác*); phần mềm hỗ trợ kiểm tra rủi ro phát hiện (*tại cơ quan thuế*); phần mềm hỗ trợ phục hồi dữ liệu công tác thanh tra tại đơn vị; phần mềm hỗ trợ thanh tra trên máy tính; phần mềm hỗ trợ báo cáo kết quả thanh tra, đánh giá hiệu quả hoạt động thanh tra.

Xây dựng qui trình và sổ tay nghiệp vụ thanh tra, điều tra ĐTNT. Trước hết phải tiến hành rà soát, bổ sung, hoàn thiện qui trình thanh tra ĐTNT thuế trong cơ chế TKTN sử dụng kỹ thuật đánh giá rủi ro. Kế đó, xây dựng các qui trình thanh tra ĐTNT ngoài cơ chế TKTN theo sắc thuế và theo loại ĐTNT phù hợp với từng cấp quản lý và chức năng nhiệm vụ của bộ phận thực hiện công tác thanh tra thuế; xây dựng các qui trình thanh tra ĐTNT đặc biệt: thanh tra trên máy tính, thanh tra chống chuyển giá, thanh tra các ĐTNT lớn; xây dựng qui trình điều tra trốn thuế

Xây dựng các sổ tay nghiệp vụ thanh tra, điều tra ĐTNT chuyên sâu theo từng loại ĐTNT, sắc thuế và ngành nghề kinh doanh của ĐTNT.

Phối hợp để tổ chức lại bộ phận thanh tra cho phù hợp với cơ chế quản lý mới từ cấp Trung ương đến địa phương. Tại Trung ương, bộ phận thanh tra có nhiệm vụ lập kế hoạch thanh tra và chỉ đạo công tác thanh tra, tại các cơ quan thuế địa phương có nhiệm vụ trực tiếp thanh tra các ĐTNT thuộc phạm vi quản lý. Bố trí đủ số lượng cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế khoảng 25 – 30 % tổng số cán bộ. Tách chức năng thanh tra nội bộ và giải quyết khiếu nại tố cáo thành chức năng độc lập.

Phối hợp để đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ thanh tra, chú trọng đào tạo theo từng kỹ năng chuyên sâu, kiến thức kế toán doanh nghiệp và khả năng sử dụng ứng dụng tin học trong việc phân tích, khai thác thông tin và quản lý thanh tra thuế.

3.2.4. Cải cách công tác thu nợ và cưỡng chế thuế

Tổ chức bộ máy thu nợ và cưỡng chế thuế: Thành lập bộ phận chuyên trách

về công tác thu nợ và cưỡng chế thuế theo các trường hợp có mức độ giải quyết từ đơn giản đến phức tạp, hoặc theo đối tượng nộp thuế.

Đào tạo cán bộ thu nợ và cưỡng chế thuế theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp và hiện đại. Cán bộ thu nợ được đào tạo kỹ năng theo từng nhiệm vụ như: kỹ năng phân tích rủi ro, phân tích báo cáo tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ,...

Tham gia rà soát, hoàn thiện quy trình đơn đốc thu nợ, cưỡng chế thuế; xây dựng sổ tay nghiệp vụ đơn đốc thu nợ, cưỡng chế thuế; xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá rủi ro, hệ thống thông tin kinh tế theo ngành, phân tích, ứng dụng thông tin từ báo cáo tài chính phục vụ cho công tác thu nợ.

3.2.5. Ứng dụng khoa học công nghệ

Song hành với cải cách quản lý thuế là phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ. Để phát triển tin học đáp ứng yêu cầu cải cách và hiện đại hóa công tác quản lý thuế cần một số giải pháp sau:

- Cần phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận nghiệp vụ với tin học do cán bộ tin học chỉ mô tả được điểm kỹ thuật thuần túy, còn các cán bộ nghiệp vụ không có kinh nghiệm mô tả chính xác mình cần gì và cung cấp được gì cho phía tin học.
- Điều kiện cơ bản để thực hiện tin học hoá là các nghiệp vụ phải được chuẩn hoá về quy trình xử lý, các khuôn dạng, mẫu biểu của các loại báo cáo, sổ sách phải cụ thể rõ ràng và được áp dụng thống nhất trong toàn ngành thuế.
- Đội ngũ cán bộ tin học Cục thuế còn yếu về chuyên môn và thiếu về số lượng. Do vậy Cục thuế cần có kế hoạch đào tạo phổ cập trình độ sử dụng, khai thác máy tính ở mức độ thành thạo để đảm bảo nguồn nhân lực cho công tác phát triển tin học.

- Một dự án về ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế khi triển khai cần đảm bảo nguồn tài chính và sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Cục thuế và Tổng cục thuế.

3.3. Kiến nghị:

3.3.1. Với nhà nước:

Hoàn thiện nội dung chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp

**** Mở rộng phạm vi đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:***

Hiện hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp chưa tính đến các khoản thu nhập phát sinh từ bất động sản vào khoản thu nhập chịu thuế. Do vậy, cần phải bổ sung thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, quyền thuê đất,...vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

**** Giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp:***

Trước những đòi hỏi cải cách hệ thống thuế theo quy định chung của tổ chức Thương mại quốc tế (WTO) thì việc giảm thuế suất thuế TNDN là tất yếu khách quan. Hiện nay, mức thuế này ở Việt Nam là 28%, quá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Xu hướng chung hiện nay là các nước đều hạ thấp mức thuế này để thu hút đầu tư nước ngoài và nâng cao khả năng cạnh tranh. Ví dụ, Singapo giảm từ 20% xuống 19%; Trung Quốc giảm từ 33% xuống còn 25%. Việc hạ thấp thuế suất thuế TNDN còn là một trong những giải pháp làm giảm động cơ trốn thuế, gian lận thuế của các doanh nghiệp.

**** Quản lý chặt chẽ về doanh thu và chi phí hợp lý:***

Để quản lý được thuế thu nhập doanh nghiệp thì phải quản lý doanh thu và chi phí hợp lý được trừ đi khi xác định thu nhập chịu thuế.

Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí của DNNN phải được xác lập theo hướng toàn bộ chi phí thực tế của doanh nghiệp có hóa đơn chứng từ hợp pháp đều được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp, trao quyền quyết định khoản chi phí

cho người quản lý và điều hành doanh nghiệp; doanh thu của doanh nghiệp được xác định theo bộ chuẩn mực kế toán Việt Nam. Đối với những ngành có lợi thế hoặc độc quyền cần xây dựng và ban hành cơ chế kiểm soát chi phí nhằm chống việc lợi dụng lợi thế, độc quyền để tạo nên những đặc quyền, đặc lợi. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích đầy đủ, toàn diện đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, nội dung chi phí của các ngành này, nhà nước phải ban hành các định mức chi phí làm căn cứ để kiểm soát chi phí và giá cả, thực hiện kiểm soát, kiểm tra định kỳ.

Quy định chế độ khấu hao theo mức khấu hao tối thiểu và mang tính bắt buộc đối với doanh nghiệp, không hạn chế mức khấu hao tối đa. Đối với một số ngành đặc thù, có hiệu quả đầu tư chắc chắn nên cho phép khấu hao tài sản ngay trong quá trình xây dựng. Kiên quyết bãi bỏ việc xét giảm mức trích khấu hao cho doanh nghiệp vì việc xét duyệt giảm mức khấu hao về bản chất là xin – cho, dễ đi móc ngoặc, tham nhũng. Doanh nghiệp được sử dụng tiền khấu hao tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Bãi bỏ chế độ lập quỹ khấu hao tập trung cũng như việc tổng công ty huy động khấu hao của các doanh nghiệp thành viên.

Các khoản tài trợ của doanh nghiệp với mục đích nhân đạo, từ thiện không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế. Việc ủng hộ các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện không chỉ đơn thuần có ý nghĩa về mặt kinh tế mà nó còn có ý nghĩa về mặt chính trị xã hội. Do vậy, nhà nước cần có chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp thực hiện nhân đạo từ thiện bằng việc trừ đi khoản đóng góp này khi xác định thu nhập chịu thuế. Bên cạnh đó, việc xác định khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được trừ thuế TNDN sẽ tạo công bằng trong việc khấu trừ.

** Thu hẹp các trường hợp miễn, giảm thuế:*

Hiện luật thuế thu nhập doanh nghiệp có quá nhiều trường hợp miễn giảm thuế làm cho công tác thuế trở nên phức tạp, tạo kẽ hở cho các doanh nghiệp tìm cách để trốn lậu thuế, làm xói mòn cơ sở đánh thuế.

3.3.2. Với Bộ tài chính:

Tăng cường hệ thống thông tin giữa cơ quan thuế - tài chính - kho bạc tới tất cả các cấp trong cả nước. Việc phối hợp, trao đổi thông tin giữa ba ngành trên tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi ngành và góp phần quan trọng trong công tác quản lý thuế, giữa các ngành có sự hỗ trợ nhau trong công tác quản lý của mình.

Định kỳ hàng tháng cơ quan thuế đã cung cấp cho kho bạc các dữ liệu về đối tượng nộp thuế (*mã số thuế, chương - loại - khoản - mục - tiểu mục, ...*), đảm bảo cập nhật đầy đủ thông tin về đối tượng nộp thuế, phục vụ tốt cho việc nhập chứng từ thu ngân sách. Cơ quan kho bạc sử dụng dữ liệu của cơ quan thuế để kế toán ghi sổ số nộp ngân sách theo quy định và truyền dữ liệu nộp thuế kịp thời cho cơ quan thuế. Cơ quan kho bạc và cơ quan thuế thường xuyên có sự đối chiếu số liệu, chứng từ, cuối tháng đối chiếu xác nhận số nộp ngân sách trong tháng.

Giữa cơ quan thuế và các cơ quan trong ngành tài chính được thực hiện thường xuyên, kịp thời sẽ đáp ứng tốt cho việc chỉ đạo, điều hành thu ngân sách trên địa bàn. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện đều được phối hợp xử lý, tạo điều kiện tốt để thực hiện công tác thu ngân sách.

Hiện việc nối mạng thông tin giữa ba ngành trên mới thực hiện được ở cấp thành phố. Để tạo thuận lợi cho việc cung cấp thông tin một cách nhanh chóng và chính xác về đối tượng nộp thuế, đề nghị Ủy ban nhân dân chỉ đạo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin giữa ba cơ quan thuế - tài chính – kho bạc trên các địa bàn quận, huyện.

Bộ tài chính cần đưa ra *những quy định chặt chẽ hơn trong thanh toán và nộp thuế để hạn chế sử dụng tiền mặt*, giúp quản lý thuế được đơn giản và hiệu quả hơn. Do cơ quan thuế ngày càng phải quản lý số lượng tăng lên gấp bội và khối lượng giao dịch của các doanh nghiệp quá lớn nên thói quen chi trả bằng tiền mặt gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý thuế. Nhà nước cần ban hành các quy định bắt buộc về thanh toán tiền qua ngân hàng và các quy định khác có liên quan như chế độ kế toán, chế độ sử dụng hoá đơn, chế độ xử phạt,...

Đồng thời kiến nghị Bộ tài chính cùng với Chính phủ *mở rộng quyền hạn điều tra cho cơ quan thuế* để hạn chế bớt việc phụ thuộc vào các cơ quan pháp luật khi điều tra các vi phạm pháp luật về thuế.

3.3.3. Với Tổng cục thuế

Tổ chức thường xuyên các cuộc đối thoại giữa Tổng Cục thuế và các doanh nghiệp. Thông qua các cuộc đối thoại này các doanh nghiệp sẽ trao đổi những vướng mắc trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của mình và có những kiến nghị để hoàn thiện hơn nữa hệ thống quản lý thuế.

Cần tổ chức bộ máy, xây dựng quy trình quản lý thuế đơn giản, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý thuế theo cơ chế tự khai, tự nộp. Tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế, áp dụng trong toàn ngành cơ chế quản lý thuế mới-cơ chế người nộp thuế tự khai, tự nộp thuế, chuyển đổi cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình chức năng và cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế “một cửa” thống nhất trong toàn hệ thống thuế.

Phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp có liên quan để từng bước tạo môi trường thuận lợi cho cải cách hệ thống quản lý thuế thành công.

3.3.4. Với các tổ chức, cá nhân khác

Tình trạng “*doanh nghiệp ma*” vẫn khá nhức nhối và có diễn biến tinh vi hơn với sự tham gia của một nhóm đối tượng: nhóm chuyên đứng ra tổ chức thành lập “DN ma” để mua hóa đơn; nhóm chuyên lo đường dây tiêu thụ, móc nối, cung cấp hóa đơn cho DN có nhu cầu hợp thức hóa đầu vào, hợp thức hóa hàng trôi nổi trên thị trường,... Bên cạnh đó, còn có một số doanh nghiệp vừa có hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng đồng thời vừa bán không hóa đơn. Vì vậy Cục thuế Hà Nội cần tăng cường phối hợp với cơ quan công an, hải quan và các ban ngành có liên quan để điều tra, xử lý và phòng ngừa các “*doanh nghiệp ma*”.

Các cơ quan thông tin đại chúng (*báo, đài, truyền hình,...*) cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật thuế giúp nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế;

đồng thời biểu dương các đơn vị thực hiện tốt nghĩa vụ thuế làm tấm gương sáng cho mọi người dân và kịp thời đưa tin răn đe những đơn vị vi phạm pháp luật thuế.

KẾT LUẬN

Nhờ chuẩn bị tốt các kế hoạch triển khai và với sự phấn đấu nỗ lực của toàn ngành thuế, đến nay Luật Quản lý thuế đã từng bước đi vào cuộc sống; mô hình tổ chức mới đã ổn định và vận hành hiệu quả. Những kết quả này đã góp phần quan trọng giúp Cục thuế Hà Nội luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước.

Bước vào giai đoạn mới để hoàn thành nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước giao, ngành thuế đang tích cực đẩy mạnh công cuộc cải cách quản lý hành chính thuế theo chiến lược cải cách thuế đến năm 2010. Đây là một trong những chương trình cải cách quản lý hành chính nhà nước trọng điểm, đặc điểm nổi bật của chương trình cải cách quản lý thuế giai đoạn mới là: chuyển quản lý thu thuế kiểu thủ công, lạc hậu sang phương pháp quản lý thuế hiện đại dựa trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin về tình trạng nộp thuế và tình hình hoạt động kinh doanh của từng đối tượng để áp dụng biện pháp quản lý phù hợp.

Năm 2007 Việt Nam là thành viên chính thức của WTO, doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm dần và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ngày một tăng lên. Trong giai đoạn mới, hàng loạt doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa hình thành nên loại hình doanh nghiệp mới trong đó nhà nước chiếm trên 51% cổ phần. Vì vậy, ngành thuế cần tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là Cục thuế Hà Nội quản lý trên 30% doanh nghiệp quốc doanh.